VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2017/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2017.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của từng nhóm đối tượng địa lý, gồm: dân cư, kinh tế - xã hội, thủy văn, sơn văn; các đơn vị hành chính cấp xã gồm: thị trấn, xã; các đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: thành phố, thị xã và các huyện. Trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: "TT."; là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: "TP." là chữ viết tắt của "thành phố"; "TX." là chữ viết tắt của thị xã; "H." là chữ viết tắt của "huyện";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh"; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng

theo cột "Tọa độ trung tâm"; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 sử dụng để thống kê địa danh;

f) Địa danh trong ngoặc đơn (.) là địa danh trên bản đồ đính kèm Hiệp ước, Hiệp định và Nghị định thư phân giới cắm mốc.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH KIÊN GIANG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Kiên Giang gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Rạch Giá	
2	Thị xã Hà Tiên	
3	Huyện An Biên	
4	Huyện An Minh	
5	Huyện Châu Thành	
6	Huyện Giang Thành	
7	Huyện Giồng Riềng	
8	Huyện Gò Quao	
9	Huyện Hòn Đất	
10	Huyện Kiên Lương	
11	Huyện Tân Hiệp	
12	Huyện U Minh Thượng	
13	Huyện Vĩnh Thuận	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 1	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 37"	105° 07' 27"					C-48-55-A-a
Khu phố 2	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 44"	105° 06' 53"					C-48-55-A-a
Khu phố 3	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 25"	105° 06' 42"					C-48-55-A-a
Khu phố 4	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 54"	105° 06' 39"					C-48-55-A-a
Khu phố 5	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 58' 09"	105° 06' 47"					C-48-55-A-a
Khu phố 6	DC	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 58' 30"	105° 06' 40"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 80	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
cầu An Hòa	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 58' 16"	105° 06' 29"					C-48-55-A-a
cầu Rạch Sỏi	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 29"	105° 07' 06"					C-48-55-A-a
chùa Hưng An Tự	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 57' 19"	105° 06' 47"					C-48-55-A-a
đình An Hòa	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá	9° 58' 18"	105° 06' 31"					C-48-55-A-a
đường Nguyễn Trung Trực	KX	P. An Bình	TP. Rạch Giá			9° 57' 23"	105° 07' 09"	10° 00' 31"	105° 04' 58"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
kênh Cái Sắn	TV	P. An Bình	TP. Rạch Giá			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Điều Hành	TV	P. An Bình	TP. Rạch Giá			9° 58' 19"	105° 07' 41"	9° 57' 48"	105° 06' 35"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Ông Hiển	TV	P. An Bình	TP. Rạch Giá			9° 59' 06"	105° 06' 18"	9° 57' 07"	105° 06' 43"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiển	TV	P. An Bình	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
Khu phố 1	DC	P. An Hòa	TP. Rạch Giá	9° 59' 10"	105° 06' 06"					C-48-55-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 2	DC	P. An Hòa	TP. Rạch Giá	9° 58' 45"	105° 06' 18"					C-48-55-A-a
Khu phố 3	DC	P. An Hòa	TP. Rạch Giá	9° 58' 42"	105° 06' 11"					C-48-55-A-a
Khu phố 4	DC	P. An Hòa	TP. Rạch Giá	9° 58' 20"	105° 06' 17"					C-48-55-A-a
Khu phố 5	DC	P. An Hòa	TP. Rạch Giá	9° 58' 26"	105° 05' 53"					C-48-55-A-a
Khu phố 6	DC	P. An Hòa	TP. Rạch Giá	9° 57' 38"	105° 06' 16"					C-48-55-A-a
Khu phố 7	DC	P. An Hòa	TP. Rạch Giá	9° 57' 08"	105° 06' 33"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 80	KX	P. An Hòa	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-55-A-a
cầu An Hòa	KX	P. An Hòa	TP. Rạch Giá	9° 58' 16"	105° 06' 29"					C-48-55-A-a
chùa Huyền Linh Đàn	KX	P. An Hòa	TP. Rạch Giá	9° 57' 08"	105° 06' 36"					C-48-55-A-a
chùa Môn Quan	KX	P. An Hòa	TP. Rạch Giá	9° 59' 22"	105° 06' 00"					C-48-55-A-a
đường Ngô Quyền	KX	P. An Hòa	TP. Rạch Giá			9° 58' 15"	105° 06' 27"	10° 00' 36"	105° 05' 06"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Trung Trực	KX	P. An Hòa	TP. Rạch Giá			9° 57' 23"	105° 07' 09"	10° 00' 31"	105° 04' 58"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. An Hòa	TP. Rạch Giá			9° 59' 00"	105° 05' 15"	9° 59' 28"	105° 06' 07"	C-48-55-A-a
kênh Cái Sắn	TV	P. An Hòa	TP. Rạch Giá			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiển	TV	P. An Hòa	TP. Rạch Giá			9° 59' 06"	105° 06' 18"	9° 57' 07"	105° 06' 43"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiển	TV	P. An Hòa	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-55-A-a
Khu phố 1	DC	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 17"	105° 07' 03"					C-48-55-A-a
Khu phố 2	DC	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 09"	105° 06' 48"					C-48-55-A-a
Khu phố 3	DC	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 09"	105° 07' 15"					C-48-55-A-a
Khu phố 6	DC	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 56' 56"	105° 07' 02"					C-48-55-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 7	DC	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 56' 37"	105° 06' 45"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 61	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
Quốc lộ 80	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-55-A-a
cầu Rạch Sỏi	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 29"	105° 07' 06"					C-48-55-A-a
chùa An Hòa	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 03"	105° 06' 41"					C-48-55-A-a
chùa Bửu Ngọc	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 57' 02"	105° 06' 50"					C-48-55-A-a
chùa Ông Địa	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá	9° 56' 24"	105° 06' 53"					C-48-55-A-a
đường Mai Thị Hồng Hạnh	KX	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá			9° 57' 28"	105° 07' 07"	9° 56' 34"	105° 07' 42"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Cái Sắn	TV	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Tà Niên	TV	P. Rạch Sỏi	TP. Rạch Giá			9° 57' 07"	105° 06' 43"	9° 56' 23"	105° 06' 50"	C-48-55-A-a
Khu phố 1	DC	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 18"	105° 04' 57"					C-48-43-C-c
Khu phố 2	DC	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 33"	105° 05' 12"					C-48-43-C-c
Khu phố 3	DC	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 18"	105° 05' 13"					C-48-55-A-a
Khu phố 4	DC	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 27"	105° 05' 08"					C-48-43-C-c
Khu phố 5	DC	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 13"	105° 05' 06"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
di tích lịch sử Chùa Sắc Tứ Tam Bảo	KX	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 16"	105° 05' 15"					C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
di tích lịch sử Mộ Huỳnh Mẫn Đạt	KX	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá	10° 00' 26"	105° 04' 59"					C-48-43-C-c
đường Ngô Quyền	KX	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá			9° 58' 15"	105° 06' 27"	10° 00' 36"	105° 05' 06"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Trung Trực	KX	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá			9° 57' 23"	105° 07' 09"	10° 00' 31"	105° 04' 58"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
kênh Ông Hiển	TV	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Vĩnh Bảo	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c
khu phố Dãy Ốc	DC	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	10° 01' 23"	105° 05' 55"					C-48-55-A-b
khu phố Phi Kinh	DC	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	9° 59' 37"	105° 06' 06"					C-48-55-A-b
khu phố Thông Chữ	DC	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	10° 00' 34"	105° 05' 17"					C-48-55-A-b
khu phố Vĩnh Phát	DC	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	10° 00' 14"	105° 05' 28"					C-48-55-A-b
khu phố Vĩnh Viễn	DC	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	9° 58' 35"	105° 07' 09"					C-48-55-A-b
chùa Phước Thạnh	KX	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá	10° 00' 18"	105° 05' 29"					C-48-43-C-c
kênh Dãy Ốc	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 01' 40"	105° 06' 13"	10° 00' 22"	105° 06' 52"	C-48-43-C-c
kênh Đòn Dông	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiển	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
kênh Rạch Chát 2	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			9° 59' 09"	105° 07' 34"	9° 58' 41"	105° 06' 49"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Rạch Lác	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 06' 42"	10° 00' 41"	105° 06' 42"	C-48-43-C-c
kênh Vành Đai	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 01' 08"	105° 05' 28"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Vĩnh Hiệp	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c
Khu phố 1	DC	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	10° 00' 01"	105° 05' 27"					C-48-55-A-a
Khu phố 2	DC	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 55"	105° 05' 39"					C-48-55-A-a
Khu phố 3	DC	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 38"	105° 05' 48"					C-48-55-A-a
Khu phố 4	DC	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 48"	105° 05' 23"					C-48-55-A-a
Khu phố 5	DC	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 25"	105° 05' 43"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
Bệnh viện Y Học Cổ Truyền Tỉnh Kiên Giang	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 48"	105° 05' 36"					C-48-55-A-a
chùa Bửu Khánh	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 16"	105° 05' 47"					C-48-55-A-a
Đài Phát thanh Kiên Giang	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	9° 59' 40"	105° 05' 44"					C-48-55-A-a
di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Láng Cát	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá	10° 00' 01"	105° 05' 33"					C-48-55-A-a
đường Ngô Quyền	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá			9° 58' 15"	105° 06' 27"	10° 00' 36"	105° 05' 06"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Trung Trực	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá			9° 57' 23"	105° 07' 09"	10° 00' 31"	105° 04' 58"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá			9° 59' 00"	105° 05' 15"	9° 59' 28"	105° 06' 07"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiển	TV	P. Vĩnh Lạc	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
Khu phố 1	DC	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 30"	105° 07' 28"					C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 2	DC	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 44"	105° 08' 27"					C-48-55-A-b
Khu phố 3	DC	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 11"	105° 07' 34"					C-48-55-A-b
Khu phố 4	DC	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 56' 57"	105° 07' 45"					C-48-55-A-b
Quốc lộ 61	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
Cầu Quằng	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 52"	105° 08' 01"					C-48-55-A-b
cầu Rạch Sỏi	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 29"	105° 07' 06"					C-48-55-A-a
đường Cách Mạng Tháng 8	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			9° 57' 23"	105° 07' 09"	9° 57' 52"	105° 08' 01"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
đường Mai Thị Hồng Hạnh	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			9° 57' 28"	105° 07' 07"	9° 56' 34"	105° 07' 42"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
sân bay Rạch Giá	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 57' 31"	105° 07' 45"					C-48-55-A-b
tịnh xá Ngọc Minh	KX	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá	9° 56' 53"	105° 07' 30"					C-48-55-A-a
kênh Cái Sắn	TV	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
kênh Nông Thôn	TV	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			9° 57' 15"	105° 07' 31"	9° 56' 00"	105° 08' 27"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn	TV	P. Vĩnh Lợi	TP. Rạch Giá			9° 55' 16"	105° 14' 14"	9° 57' 48"	105° 07' 50"	C-48-55-A-b
khu phố Đồng Khởi	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 29"	105° 05' 20"					C-48-43-C-c
khu phố Huỳnh Thúc Kháng	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 17"	105° 04' 54"					C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu phố Lê Anh Xuân	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 36"	105° 04' 07"					C-48-43-C-c
khu phố Lý Thái Tổ	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 12"	105° 04' 42"					C-48-43-C-c
khu phố Nam Cao	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 42"	105° 04' 48"					C-48-43-C-c
khu phố Nguyễn Bỉnh Khiêm	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 02' 00"	105° 05' 03"					C-48-43-C-c
khu phố Nguyễn Thái Bình	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 02' 38"	105° 04' 35"					C-48-43-C-c
khu phố Quang Trung	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 00"	105° 04' 20"					C-48-43-C-c
khu phố Rạch Giồng	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 02' 06"	105° 04' 06"					C-48-43-C-c
khu phố Võ Trường Toản	DC	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 21"	105° 04' 27"					C-48-43-C-c
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
cầu Số 1	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 38"	105° 05' 18"					C-48-43-C-c
Cầu Suối	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 45"	105° 04' 15"					C-48-43-C-c
chùa Trúc Lâm	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 34"	105° 05' 10"					C-48-43-C-c
cống Số 1	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 34"	105° 03' 49"					C-48-43-C-c
cống Số 2	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 02' 24"	105° 03' 15"					C-48-43-C-c
di tích lịch sử nghệ thuật Chùa Phật Lớn	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 20"	105° 04' 26"					C-48-43-C-c
đường Mạc Cửu	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 00' 53"	105° 04' 53"	10° 02' 57"	105° 04' 21"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 00' 53"	105° 04' 23"	10° 01' 21"	105° 05' 22"	C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
miếu Bà Cây Trôm	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 02' 19"	105° 03' 11"					C-48-43-C-c
Trường Cao đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Kiên Giang	KX	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá	10° 01' 16"	105° 05' 17"					C-48-43-C-c
Kênh 8 Thước	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 02' 49"	105° 04' 08"	10° 01' 47"	105° 04' 18"	C-48-43-C-c
kênh Cầu Số 2	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 02' 59"	105° 04' 22"	10° 02' 17"	105° 03' 00"	C-48-43-C-c
kênh Cầu Suối	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 01' 47"	105° 04' 18"	10° 01' 34"	105° 03' 48"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Tắc Tô	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 01' 47"	105° 04' 18"	10° 02' 41"	105° 03' 48"	C-48-43-C-c
kênh Vàm Trư	TV	P. Vĩnh Quang	TP. Rạch Giá			10° 01' 39"	105° 05' 19"	10° 01' 47"	105° 04' 18"	C-48-43-C-c
khu phố Đông Hồ	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 01' 02"	105° 04' 47"					C-48-43-C-c
khu phố Lê Thị Hồng Gấm	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 01' 07"	105° 05' 05"					C-48-43-C-c
khu phố Lý Thường Kiệt	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 01' 00"	105° 04' 42"					C-48-43-C-c
khu phố Mạc Cửu	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 01' 11"	105° 05' 14"					C-48-43-C-c
khu phố Nguyễn Công Trứ	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 51"	105° 04' 30"					C-48-43-C-c
khu phố Nguyễn Trãi	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 55"	105° 05' 02"					C-48-43-C-c
khu phố Nguyễn Trung Trực	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 54"	105° 04' 45"					C-48-43-C-c
khu phố Võ Thị Sáu	DC	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 59"	105° 04' 53"					C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
chùa Ngọc Sơn	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 59"	105° 05' 02"					C-48-43-C-c
di tích lịch sử Đình Nguyễn Trung Trực	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá	10° 00' 46"	105° 04' 40"					C-48-43-C-c
đường Mạc Cửu	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 00' 53"	105° 04' 53"	10° 02' 57"	105° 04' 21"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 00' 53"	105° 04' 23"	10° 01' 21"	105° 05' 22"	C-48-43-C-c
đường Trần Phú	KX	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 00' 38"	105° 05' 05"	10° 01' 04"	105° 04' 44"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Vĩnh Thanh	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c
Khu phố 1	DC	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 38"	105° 04' 59"					C-48-43-C-c
Khu phố 2	DC	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 41"	105° 04' 46"					C-48-43-C-c
Khu phố 3	DC	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 45"	105° 05' 09"					C-48-43-C-c
Khu phố 4	DC	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 50"	105° 05' 11"					C-48-43-C-c
Khu phố 5	DC	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 36"	105° 04' 35"					C-48-43-C-c
Quốc lộ 80	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Quan Đế	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 44"	105° 04' 58"					C-48-43-C-c
di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà Số 21 Đường Nguyễn Văn Trỗi	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 38"	105° 05' 00"					C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
di tích lịch sử Đình Vĩnh Hòa	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá	10° 00' 52"	105° 05' 09"					C-48-43-C-c
đường Trần Phú	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 00' 38"	105° 05' 05"	10° 01' 04"	105° 04' 44"	C-48-43-C-c
đường Hàm Nghi	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 00' 39"	105° 04' 41"	10° 00' 43"	105° 05' 01"	C-48-43-C-c
đường Nguyễn Hùng Sơn	KX	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 00' 54"	105° 05' 16"	10° 00' 31"	105° 04' 31"	C-48-43-C-c
kênh Ông Hiển	TV	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Vĩnh Thanh Vân	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c
Khu phố 1	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 00"	105° 06' 35"					C-48-43-C-c
Khu phố 2	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 09"	105° 06' 34"					C-48-43-C-c
Khu phố 3	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 01' 23"	105° 05' 47"					C-48-43-C-c
Khu phố 4	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 10"	105° 05' 22"					C-48-43-C-c
Khu phố 5	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 12"	105° 05' 01"					C-48-43-C-c
Khu phố 6	DC	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 03' 20"	105° 04' 57"					C-48-43-C-c
Đường 30 Tháng 4	KX	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 01' 10"	105° 05' 26"	10° 11' 05"	105° 12' 13"	C-48-43-C-c; C-48-43-C-d
cầu Cây Bàng	KX	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 35"	105° 06' 47"					C-48-43-C-c
cầu Cống Đôi	KX	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 01' 41"	105° 06' 11"					C-48-43-C-c
cầu Sáu Nhường	KX	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá	10° 02' 13"	105° 06' 37"					C-48-43-C-c
kênh 7 Cây Sao	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 27"	105° 06' 46"	10° 01' 19"	105° 08' 02"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Chín Bông	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 50"	105° 04' 30"	10° 03' 38"	105° 05' 03"	C-48-43-C-c
kênh Dãy Ốc	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 01' 40"	105° 06' 13"	10° 00' 22"	105° 06' 52"	C-48-43-C-c
kênh Đập Đá	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 12"	105° 05' 20"	10° 02' 12"	105° 06' 25"	C-48-43-C-c
Kênh Giữa	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 59"	105° 05' 07"	10° 03' 40"	105° 05' 24"	C-48-43-C-c
kênh Năm Liêu	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 41"	105° 06' 21"	10° 02' 50"	105° 04' 29"	C-48-43-C-c
kênh Nước Ngọt	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 25"	105° 06' 44"	10° 01' 16"	105° 05' 29"	C-48-43-C-c
kênh Ông Sư	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 58"	105° 05' 31"	10° 02' 53"	105° 06' 29"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Rau Xanh	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 42"	105° 05' 17"	10° 02' 21"	105° 04' 52"	C-48-43-C-c
kênh Tà Mưa	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 13"	105° 06' 05"	10° 03' 13"	105° 04' 52"	C-48-43-C-c
kênh Tập Đoàn 1	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 55"	105° 06' 08"	10° 02' 14"	105° 06' 02"	C-48-43-C-c
kênh Tập Đoàn 2	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 57"	105° 05' 43"	10° 01' 48"	105° 06' 03"	C-48-43-C-c
kênh Tư Cầu	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 44"	105° 06' 52"	10° 03' 40"	105° 05' 03"	C-48-43-C-c
rạch Dày Heo	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 32"	105° 08' 37"	10° 01' 50"	105° 06' 27"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	P. Vĩnh Thông	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c
ấp Phú Hòa	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 05' 20"	105° 08' 03"					C-48-43-C-d
ấp Sóc Cung	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 04' 09"	105° 07' 32"					C-48-43-C-c
ấp Tà Keo Ngọn	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 05' 19"	105° 06' 14"					C-48-43-C-c
ấp Tà Keo Vàm	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 03' 53"	105° 06' 42"					C-48-43-C-c
ấp Tà Tây	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 03' 29"	105° 07' 03"					C-48-43-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Trung Thành	DC	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 04' 53"	105° 05' 36"					C-48-43-C-c
Đường 30 Tháng 4	KX	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 01' 10"	105° 05' 26"	10° 11' 05"	105° 12' 13"	C-48-43-C-c; C-48-43-C-d
nhà thờ Chúa Giữa	KX	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá	10° 05' 16"	105° 08' 06"					C-48-43-C-d
Kênh 2	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 19"	105° 03' 40"	10° 04' 18"	105° 05' 20"	C-48-43-C-c
Kênh 3	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 56"	105° 04' 13"	10° 05' 24"	105° 05' 47"	C-48-43-C-c
Kênh 5	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 32"	105° 08' 36"	10° 00' 04"	105° 10' 05"	C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 00"	105° 07' 56"	9° 59' 31"	105° 09' 32"	C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 21"	105° 07' 41"	10° 03' 29"	105° 09' 54"	C-48-43-C-d
Kênh 6 Thước	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 09"	105° 04' 44"	10° 03' 54"	105° 05' 09"	C-48-43-C-c
Kênh 6 Thước	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 41"	105° 08' 40"	10° 05' 03"	105° 07' 59"	C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 35"	105° 09' 28"	10° 04' 57"	105° 08' 15"	C-48-43-C-d
Kênh 600	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 11' 20"	105° 11' 58"	10° 05' 17"	105° 07' 41"	C-48-43-C-d
Kênh 7 Cây Sao	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 27"	105° 06' 46"	10° 01' 19"	105° 08' 02"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Chín Bông	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 50"	105° 04' 30"	10° 03' 38"	105° 05' 03"	C-48-43-C-c
Kênh Giữa	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 35"	105° 07' 48"	10° 05' 40"	105° 05' 54"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Năm Đò	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 13"	105° 06' 17"	10° 03' 10"	105° 07' 06"	C-48-43-C-c
kênh Năm Liêu	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 41"	105° 06' 21"	10° 02' 50"	105° 04' 29"	C-48-43-C-c
kênh Ngã Cái	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 49"	105° 04' 55"	10° 06' 23"	105° 05' 37"	C-48-43-C-c
kênh Ô Kê	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 58"	105° 08' 16"	10° 05' 09"	105° 08' 51"	C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Quảng Thoại	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 28"	105° 06' 47"	10° 04' 10"	105° 07' 36"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Sóc Suông	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 19"	105° 07' 11"	10° 02' 48"	105° 08' 20"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Sư Chanh	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 57"	105° 06' 30"	10° 04' 41"	105° 05' 30"	C-48-43-C-c
kênh Tà Keo	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 06' 39"	105° 06' 06"	10° 03' 21"	105° 07' 11"	C-48-43-C-c
kênh Tà Keo Mới	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 34"	105° 05' 27"	10° 03' 47"	105° 06' 45"	C-48-43-C-c
kênh Tà Mưa	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 13"	105° 06' 05"	10° 03' 13"	105° 04' 52"	C-48-43-C-c
kênh Thầy Thông	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 28"	105° 09' 51"	10° 06' 41"	105° 06' 21"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 43"	105° 06' 09"	10° 03' 42"	105° 06' 45"	C-48-43-C-c
kênh Thủy Lợi	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 15"	105° 08' 16"	10° 03' 09"	105° 07' 35"	C-48-43-C-d
kênh Tư Cầu	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 02' 44"	105° 06' 52"	10° 03' 40"	105° 05' 03"	C-48-43-C-c
kênh Xẻo Nổ	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 21"	105° 05' 39"	10° 03' 46"	105° 06' 47"	C-48-43-C-c
rạch Ba Cà Bay	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 04' 12"	105° 04' 48"	10° 04' 48"	105° 04' 54"	C-48-43-C-c
rạch Dày Heo	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 32"	105° 08' 37"	10° 01' 50"	105° 06' 27"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
rạch Đường Lung	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 03' 55"	105° 05' 39"	10° 03' 35"	105° 06' 02"	C-48-43-C-c
sông Rạch Giá - Long Xuyên	TV	xã Phi Thông	TP. Rạch Giá			10° 12' 51"	105° 13' 32"	10° 00' 19"	105° 04' 37"	C-48-43-C-c; C-48-43-C-d
Khu phố 1	DC	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 22' 55"	104° 29' 05"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 2	DC	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 08"	104° 29' 03"					C-48-41-B-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 3	DC	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 18"	104° 28' 58"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 4	DC	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 40"	104° 28' 50"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 5	DC	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 26"	104° 28' 37"					C-48-41-B-b+d
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	P. Bình San	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-41-B-b+d
Đường tỉnh 972	KX	P. Bình San	TX. Hà Tiên			10° 23' 05"	104° 28' 41"	10° 24' 47"	104° 28' 12"	C-48-41-B-b+d
di tích thắng cảnh Núi Bình San	KX	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10°23'15"	104°28'54					C-48-41-B-b+d
núi Bình San	SV	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 19"	104° 28' 50"					C-48-41-B-b+d
núi Đề Liêm	SV	P. Bình San	TX. Hà Tiên	10° 23' 35"	104° 28' 47"					C-48-41-B-b+d
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	P. Bình San	TX. Hà Tiên			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-41-B-b+d
Khu phố 1	DC	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 23' 01"	104° 29' 17"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 2	DC	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 23' 01"	104° 29' 13"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 3	DC	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 23' 50"	104° 29' 29"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 4	DC	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 23' 34"	104° 28' 57"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 5	DC	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 24' 07"	104° 30' 35"					C-48-42-A-a
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-41-B-b+d
cầu Quốc Phòng	KX	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 24' 15"	104° 32' 26"					C-48-42-A-a
di tích lịch sử Nhà tù Hà Tiên	KX	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 23' 14"	104° 29' 16"					C-48-41-B-b+d
Quốc lộ N1	KX	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đầm Đông Hồ	TV	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 22' 47"	104° 29' 54"					C-48-41-B-b+d; C-48-42-A-a
đầm Nước Mặn	TV	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên	10° 24' 02"	104° 30' 04"					C-48-41-B-b+d
kênh Hà Giang	TV	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên			10° 31' 47"	104° 38' 40"	10° 22' 10"	104° 31' 12"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Quốc Phòng	TV	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên			10° 25' 13"	104° 31' 15"	10° 24' 16"	104° 32' 26"	C-48-42-A-a
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	P. Đông Hồ	TX. Hà Tiên			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-42-A-a; C-48-41-B-b+d
Khu phố 1	DC	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 22' 56"	104° 28' 51"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 2	DC	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 22' 46"	104° 27' 47"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 3	DC	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 19"	104° 26' 60"					C-48-41-B-b+d
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-41-B-b+d
Đường tỉnh 972	KX	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên			10° 23' 05"	104° 28' 41"	10° 24' 47"	104° 28' 12"	C-48-41-B-b+d
di tích thắng cảnh Mũi Nai	KX	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 04"	104° 26' 35"					C-48-41-B-b+d
gò Tà Poóc	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 46"	104° 26' 55"					C-48-41-B-b+d
núi Dùm Trua (Núi Thom)	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 22' 58"	104° 27' 10"					C-48-41-B-b+d
núi Giếng Tượng (Núi Sré Ambel)	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 20"	104° 27' 48"					C-48-41-B-b+d
núi Pháo Đài	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 22' 44"	104° 28' 51"					C-48-41-B-b+d
núi Tà Bang Lớn (Núi Ta Pang)	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 23"	104° 26' 49"					C-48-41-B-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tà Lu	SV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên	10° 23' 43"	104° 27' 08"					C-48-41-B-b+d
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	P. Pháo Đài	TX. Hà Tiên			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-41-B-b+d
Khu phố 1	DC	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 39"	104° 29' 21"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 2	DC	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 45"	104° 29' 45"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 3	DC	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 21' 54"	104° 29' 47"					C-48-41-B-b+d
Khu phố 4	DC	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 18"	104° 30' 02"					C-48-42-A-c
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-c; C-48-41-B-b+d
cầu Đèn Đỏ	KX	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 25"	104° 30' 42"					C-48-42-A-c
cầu Rạch Vược	KX	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 28"	104° 30' 06"					C-48-42-A-c
núi Bào Sen	SV	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 21' 52"	104° 30' 05"					C-48-42-A-c
núi Đại Tô Châu	SV	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 21"	104° 29' 49"					C-48-41-B-b+d
núi Tiểu Tô Châu (núi Tô Châu)	SV	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 43"	104° 29' 34"					C-48-41-B-b+d
đầm Đông Hồ	TV	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên	10° 22' 47"	104° 29' 54"					C-48-41-B-b+d; C-48-42-A-a
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	P. Tô Châu	TX. Hà Tiên			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-41-B-b+d
ấp Bà Lý (xóm Bà Lý)	DC	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 23"	104° 27' 31"					C-48-41-B-b+d
ấp Mỹ Lộ (xóm Xa Kỳ)	DC	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 25' 14"	104° 27' 48"					C-48-41-B-b+d
ấp Thạch Động	DC	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 39"	104° 28' 27"					C-48-41-B-b+d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Xà Xía	DC	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 59"	104° 27' 51"					C-48-41-B-b+d
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-41-B-b+d
Đường tỉnh 972	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên			10° 23' 05"	104° 28' 41"	10° 24' 47"	104° 28' 12"	C-48-41-B-b+d
cầu Bà Lý	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 39"	104° 27' 58"					C-48-41-B-b+d
chùa Xà Xía	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 29"	104° 27' 54"					C-48-41-B-b+d
Cửa khẩu Quốc tế Hà Tiên	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 25' 34"	104° 27' 10"					C-48-41-B-b+d
di tích thắng cảnh Thạch Động	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 42"	104° 28' 21"					C-48-41-B-b+d
thắng cảnh Núi Đá Dựng	KX	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 25' 49"	104° 28' 36"					C-48-41-B-b+d
núi Bà Lý (Núi Yuôn)	SV	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 12"	104° 27' 10"					C-48-41-B-b+d
núi Bạch Vân	SV	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 53"	104° 28' 26"					C-48-41-B-b+d
núi Địa Tạng	SV	xã Mỹ Đức	TX. Hà Tiên	10° 24' 37"	104° 28' 40"					C-48-41-B-b+d
ấp Hòa Phầu	DC	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 20' 00"	104° 31' 22"					C-48-42-A-c
ấp Ngã Tư	DC	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 26"	104° 32' 15"					C-48-42-A-c
ấp Rạch Núi	DC	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 06"	104° 30' 25"					C-48-42-A-c
ấp Rạch Vược	DC	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 35"	104° 29' 58"					C-48-41-B-b+d
ấp Xoa Ảo (ấp Soa Ảo)	DC	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 19' 23"	104° 32' 02"					C-48-42-A-c
Quốc lộ 80 (LTL 8A)	KX	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-42-A-c; C-48-41-B-b+d
Quốc lộ N1	KX	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Đèn Đỏ	KX	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 22' 25"	104° 30' 42"					C-48-42-A-c
núi Bào Sen	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 52"	104° 30' 05"					C-48-42-A-c
Núi Đồn (Núi Dồn)	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 14"	104° 30' 23"					C-48-42-A-c
Núi Đồng	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 20' 38"	104° 32' 00"					C-48-42-A-c
núi Lăng Ông	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 21' 32"	104° 30' 06"					C-48-41-B-b+d
Núi Nhỏ	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 20' 60"	104° 30' 39"					C-48-42-A-c
Núi Nhọn	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 20' 55"	104° 31' 01"					C-48-42-A-c
núi Ông Cọp	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 19' 08"	104° 31' 52"					C-48-42-A-c
núi Xoa Ảo (Núi Soa Ảo)	SV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên	10° 19' 50"	104° 31' 45"					C-48-42-A-c
kênh Hà Giang	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 31' 47"	104° 38' 40"	10° 22' 10"	104° 31' 12"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh K3	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 21' 19"	104° 32' 29"	10° 22' 35"	104° 32' 35"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-c
kênh Rạch Đồng Hòa (rạch Sậy)	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 20' 58"	104° 33' 01"	10° 23' 51"	104° 34' 15"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Rạch Giá - Hà Tiên	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 22' 31"	104° 30' 41"	10° 01' 08"	105° 05' 26"	C-48-43-C-c
kênh Rạch Vược (rạch Vược)	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 21' 48"	104° 30' 21"	10° 22' 22"	104° 34' 22"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-c
rạch Tam Bản	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 20' 32"	104° 33' 32"	10° 18' 50"	104° 33' 14"	C-48-42-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Vược (Rạch Ke Tát)	TV	xã Thuận Yên	TX. Hà Tiên			10° 21' 21"	104° 30' 12"	10° 22' 29"	104° 30' 42"	C-48-42-A-c
Khu phố 1	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 48' 56"	105° 02' 59"					C-48-55-A-c
Khu phố 2	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 48' 47"	105° 03' 33"					C-48-55-A-c
Khu phố 3	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 49' 04"	105° 03' 48"					C-48-55-A-c
Khu phố 4	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 49' 25"	105° 03' 27"					C-48-55-A-c
Khu phố 5	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 48' 15"	105° 04' 38"					C-48-55-A-c
khu phố Đông Quý	DC	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 48' 17"	105° 02' 57"					C-48-55-A-c
Quốc lộ 63	KX	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-A-c
Đường tỉnh 966	KX	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 40' 20"	105° 07' 27"	9° 49' 44"	105° 04' 29"	C-48-55-A-c
chùa SiRìVanSà	KX	TT. Thứ Ba	H. An Biên	9° 49' 08"	105° 03' 43"					C-48-55-A-c
kênh Bào Láng	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 46' 02"	105° 02' 52"	9° 49' 13"	105° 02' 07"	C-48-55-A-c
Kênh Đồn	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 47' 32"	105° 03' 57"	9° 47' 36"	105° 04' 39"	C-48-55-A-c
kênh Thầy Cai	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 04"	9° 49' 16"	104° 59' 59"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Ba	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 44' 35"	105° 04' 19"	9° 48' 59"	105° 03' 36"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Hai	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 45' 29"	105° 08' 48"	9° 49' 46"	105° 04' 29"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Tư	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 46' 17"	105° 03' 09"	9° 52' 47"	104° 58' 39"	C-48-55-A-c
kênh Tư Đương	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 47' 27"	105° 03' 21"	9° 47' 32"	105° 03' 57"	C-48-55-A-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 46' 26"	105° 00' 54"	9° 48' 59"	105° 03' 36"	C-48-55-A-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 48' 59"	105° 03' 36"	9° 51' 47"	105° 06' 38"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Kè	TV	TT. Thứ Ba	H. An Biên			9° 46' 32"	105° 03' 25"	9° 50' 19"	105° 02' 45"	C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp 7 Chợ	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 45' 19"	105° 00' 11"					C-48-55-C-a
ấp Dân Quân	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 47' 00"	104° 59' 56"					C-48-54-B-d+c
ấp Đông Thành	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 46' 18"	105° 00' 51"					C-48-55-A-c
ấp Kinh I	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 45' 18"	105° 03' 40"					C-48-55-C-a
ấp Kinh IA	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 44' 12"	105° 05' 10"					C-48-55-C-a
ấp Kinh Làng	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 43' 04"	105° 03' 27"					C-48-55-C-a
ấp Kinh Làng Đông	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 42' 44"	105° 04' 38"					C-48-55-C-a
ấp Nam Quý	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 46' 54"	105° 01' 28"					C-48-55-A-c
ấp Phú Hưởng	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 44' 09"	105° 01' 53"					C-48-55-C-a
ấp Phú Lâm	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 43' 59"	105° 02' 42"					C-48-55-C-a
ấp Thành Trung	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 46' 07"	104° 59' 50"					C-48-54-B-d+c
ấp Trung Quý	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 47' 50"	105° 02' 21"					C-48-55-A-c
ấp Trung Xinh	DC	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 46' 33"	104° 59' 07"					C-48-54-B-d+c
Quốc lộ 63	KX	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a
chợ Thứ Bảy	KX	xã Đông Thái	H. An Biên	9° 45' 31"	105° 00' 05"					C-48-55-A-c
Kênh 50	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 43"	105° 03' 52"	9° 44' 23"	105° 07' 35"	C-48-55-C-a
Kênh 500	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 04"	105° 03' 44"	9° 43' 40"	105° 02' 31"	C-48-55-C-a
Kênh 1000	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 53"	105° 04' 00"	9° 43' 29"	105° 02' 48"	C-48-55-C-a
Kênh 3000	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 50' 14"	105° 07' 37"	9° 44' 31"	105° 01' 17"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bào Hang	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 47' 03"	105° 01' 34"	9° 50' 00"	105° 00' 32"	C-48-55-A-c
kênh Bào Láng	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 46' 02"	105° 02' 52"	9° 49' 13"	105° 02' 07"	C-48-55-A-c
kênh Bảy Biển	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 47' 07"	104° 59' 55"	9° 50' 55"	104° 56' 18"	C-48-54-B-d+c
kênh Bảy Suol	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 45' 16"	104° 59' 41"	9° 48' 09"	104° 57' 30"	C-48-54-B-d+c
kênh Cây Sộp	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 46' 06"	105° 00' 33"	9° 47' 48"	105° 00' 33"	C-48-55-A-c
Kênh Chùa	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 59"	105° 05' 36"	9° 42' 23"	105° 04' 24"	C-48-55-C-a
kênh Chùa Cũ	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 00"	105° 05' 10"	9° 43' 14"	105° 05' 01"	C-48-55-C-a
kênh Cơi 3	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 51"	105° 04' 47"	9° 43' 53"	105° 04' 00"	C-48-55-C-a
kênh Cơi 4	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 51"	105° 04' 46"	9° 43' 17"	105° 03' 05"	C-48-55-C-a
kênh Cơi 5	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 33"	105° 04' 44"	9° 42' 55"	105° 03' 37"	C-48-55-C-a
kênh Dân Quân	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 45' 34"	105° 00' 00"	9° 49' 06"	105° 00' 05"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Hai Mít	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 48' 23"	104° 59' 26"	9° 47' 22"	104° 59' 33"	C-48-54-B-d+c
kênh Lẫm Thiết	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 57"	105° 07' 39"	9° 43' 59"	105° 05' 36"	C-48-55-C-a
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a
kênh Lung Đốc	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 17"	105° 03' 59"	9° 46' 32"	105° 03' 25"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Năm Ý	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 15"	105° 03' 52"	9° 44' 16"	105° 03' 27"	C-48-55-C-a
Kênh Ngang	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 46' 36"	104° 58' 05"	9° 47' 49"	104° 58' 52"	C-48-54-B-d+c
kênh Nhị Tỳ	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 40"	105° 02' 55"	9° 46' 59"	105° 01' 31"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Số 1	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 59"	105° 05' 36"	9° 43' 52"	105° 02' 14"	C-48-55-C-a
kênh Tây Sơn	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 43' 52"	105° 04' 06"	9° 46' 05"	105° 04' 56"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Thầy Bang	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 45' 45"	105° 03' 34"	9° 43' 33"	105° 03' 54"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Thứ Năm	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 47' 20"	105° 01' 51"	9° 49' 08"	105° 01' 32"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Sáu	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 14"	105° 03' 21"	9° 47' 18"	105° 01' 51"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Thứ Sáu	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 47' 53"	105° 00' 32"	9° 46' 30"	105° 00' 54"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Sáu	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 44' 09"	105° 03' 05"	9° 46' 25"	105° 00' 55"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Xáng Mới	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 46' 28"	105° 00' 56"	9° 47' 49"	104° 58' 52"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 33' 45"	105° 00' 54"	9° 48' 59"	105° 03' 36"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Bướm	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 46' 16"	105° 02' 51"	9° 47' 45"	105° 02' 20"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Quao	TV	xã Đông Thái	H. An Biên			9° 45' 28"	104° 59' 55"	9° 46' 36"	104° 58' 05"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a
ấp Cái Nước Ngọn	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 47' 06"	105° 06' 15"					C-48-55-A-c
ấp Kinh 1B	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 43' 58"	105° 05' 43"					C-48-55-C-a
ấp Ngã Cạy	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 47' 02"	105° 05' 27"					C-48-55-A-c
ấp Tây Sơn 1	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 45' 17"	105° 04' 07"					C-48-55-A-c
ấp Tây Sơn 2	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 46' 52"	105° 03' 25"					C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tây Sơn 3	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 47' 04"	105° 03' 56"					C-48-55-A-c
ấp Xẻo Đước 1	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 45' 26"	105° 07' 04"					C-48-55-A-c
ấp Xẻo Đước 2	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 45' 15"	105° 06' 22"					C-48-55-A-c
ấp Xẻo Đước 3	DC	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 44' 41"	105° 06' 14"					C-48-55-C-a
Quốc lộ 63	KX	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-C-a
Đường tỉnh 966	KX	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 40' 20"	105° 07' 27"	9° 49' 44"	105° 04' 29"	C-48-55-C-a
Trại cải tạo Thứ Bảy	KX	xã Đông Yên	H. An Biên	9° 42' 23"	105° 04' 39"					C-48-55-C-a
kênh Tây Sơn	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 13"	105° 04' 36"	9° 45' 23"	105° 04' 06"	C-48-55-A-c
Kênh 19	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 35"	105° 05' 39"	9° 45' 40"	105° 06' 57"	C-48-55-A-c
Kênh 30	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 40"	105° 05' 02"	9° 44' 46"	105° 07' 22"	C-48-55-C-a
Kênh 50	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 43"	105° 03' 52"	9° 44' 23"	105° 07' 35"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-b
Kênh 3000	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 50' 14"	105° 07' 37"	9° 44' 31"	105° 01' 17"	C-48-55-A-c
kênh Bà Hương	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 05"	105° 08' 14"	9° 46' 09"	105° 07' 04"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Bào Láng	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 47"	105° 03' 34"	9° 47' 59"	105° 02' 35"	C-48-55-A-c
kênh Bộ Lấc	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 21"	105° 04' 13"	9° 46' 19"	105° 04' 14"	C-48-55-A-c
kênh Bốn Thước	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 58"	105° 06' 28"	9° 41' 41"	105° 05' 25"	C-48-55-C-a
kênh Bụi Gừa	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 12"	105° 06' 00"	9° 43' 13"	105° 08' 00"	C-48-55-C-a
kênh Cái Nước	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 50' 17"	105° 05' 04"	9° 46' 42"	105° 08' 26"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
Kênh Chùa	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 59"	105° 05' 36"	9° 42' 23"	105° 04' 24"	C-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đập Đá	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 47"	105° 05' 43"	9° 45' 51"	105° 06' 56"	C-48-55-A-c
Kênh Đồn	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 47' 32"	105° 03' 57"	9° 47' 36"	105° 04' 39"	C-48-55-A-c
kênh Đường Choại	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 47' 23"	105° 05' 57"	9° 46' 12"	105° 04' 36"	C-48-55-A-c
kênh Hai Công	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 41"	105° 06' 57"	9° 46' 09"	105° 08' 34"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Lẫm Thiết	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 57"	105° 07' 39"	9° 43' 59"	105° 05' 36"	C-48-55-C-a
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Lung Đốc	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 17"	105° 03' 59"	9° 46' 32"	105° 03' 25"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Lý Thông	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 57"	105° 07' 17"	9° 45' 00"	105° 08' 49"	C-48-55-C-a; C-48-55-A-d
kênh Mới Thần Đồng	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 26"	105° 06' 19"	9° 47' 06"	105° 06' 45"	C-48-55-A-c
kênh Ngang Xã	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 23"	105° 06' 11"	9° 46' 26"	105° 06' 19"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Ngã Cạy	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 47' 43"	105° 06' 12"	9° 45' 55"	105° 05' 29"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Nhà Lầu	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 13"	105° 05' 52"	9° 46' 15"	105° 07' 05"	C-48-55-A-c
kênh Ông Tuất	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 29"	105° 04' 36"	9° 46' 25"	105° 07' 10"	C-48-55-A-c
kênh Quán Ri	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 25"	105° 05' 35"	9° 47' 25"	105° 06' 28"	C-48-55-A-c
kênh Sáu Thanh	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 43"	105° 07' 52"	9° 46' 26"	105° 07' 50"	C-48-55-A-d
kênh Tây Sơn	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 52"	105° 04' 06"	9° 46' 05"	105° 04' 56"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thầy Cai	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 47' 36"	105° 04' 39"	9° 47' 45"	105° 06' 11"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Ba	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 44' 35"	105° 04' 19"	9° 48' 59"	105° 03' 36"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
kênh Thứ Hai	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 29"	105° 08' 48"	9° 49' 46"	105° 04' 29"	C-48-55-A-c
kênh Trung Thành	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 01"	105° 05' 48"	9° 46' 01"	105° 07' 01"	C-48-55-A-c
kênh Tư Đương	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 47' 27"	105° 03' 21"	9° 47' 32"	105° 03' 57"	C-48-55-A-c
kênh Xáng Mới	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 40"	105° 05' 21"	9° 42' 56"	105° 06' 22"	C-48-55-C-a
kênh Xẻo Đước	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 45' 20"	105° 07' 07"	9° 46' 40"	105° 07' 18"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Kè	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 46' 32"	105° 03' 25"	9° 50' 19"	105° 02' 45"	C-48-55-A-c
lung Xẻo Đước	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 43' 56"	105° 07' 46"	9° 45' 20"	105° 07' 07"	C-48-55-A-c; C-48-55-C-a
sông Cái Lớn	TV	xã Đông Yên	H. An Biên			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-d
ấp Bào Môn	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 49' 21"	105° 05' 17"					C-48-55-A-c
ấp Cái Nước	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 46' 39"	105° 07' 24"					C-48-55-A-c
ấp Kinh Mới	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 50' 04"	105° 06' 48"					C-48-55-A-c
ấp Lô 2	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 50' 16"	105° 07' 17"					C-48-55-A-c
ấp Lô 3	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 48' 07"	105° 08' 25"					C-48-55-A-d
ấp Lô 15	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 48' 09"	105° 06' 01"					C-48-55-A-c
ấp Lô 15A	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 48' 15"	105° 05' 37"					C-48-55-A-c
ấp Rọc Năng	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 48' 59"	105° 05' 33"					C-48-55-A-c
ấp Xẻo Rô	DC	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 51' 22"	105° 06' 15"					C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 63	KX	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
cầu Cái Lớn	KX	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 51' 21"	105° 07' 05"					C-48-55-A-c
thánh thất Ngọc Thiền Cung	KX	xã Hưng Yên	H. An Biên	9° 47' 04"	105° 08' 29"					C-48-55-A-d
Kênh 1000	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 49' 53"	105° 07' 12"	9° 46' 33"	105° 07' 31"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
Kênh 3000	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 48' 36"	105° 05' 42"	9° 50' 14"	105° 07' 37"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
Kênh 5000	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 47' 44"	105° 06' 12"	9° 49' 08"	105° 08' 16"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Bào Môn	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 17"	105° 05' 04"	9° 47' 44"	105° 06' 11"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Cái Nước	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 17"	105° 05' 04"	9° 46' 42"	105° 08' 26"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Chệt Sành	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 24"	105° 06' 04"	9° 51' 14"	105° 06' 58"	C-48-55-A-c
kênh Hậu 500 Lô 2	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 48' 58"	105° 08' 01"	9° 51' 02"	105° 06' 45"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
kênh Hậu 500 Lô 3	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 48' 58"	105° 08' 01"	9° 46' 34"	105° 08' 13"	C-48-55-A-d
kênh Kiểm Một	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 49' 35"	105° 05' 11"	9° 50' 24"	105° 06' 04"	C-48-55-A-c
Kênh Mới	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 47' 25"	105° 07' 27"	9° 51' 33"	105° 06' 26"	C-48-55-A-c
kênh Rọc Năng	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 23"	105° 06' 03"	9° 49' 19"	105° 06' 28"	C-48-55-A-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 24"	105° 06' 04"	9° 50' 25"	105° 07' 30"	C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thầy Cai	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 13"	9° 50' 25"	105° 07' 30"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Hai	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 45' 29"	105° 08' 48"	9° 49' 46"	105° 04' 29"	C-48-55-A-c
kênh Vườn Cao	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 13"	9° 50' 24"	105° 06' 04"	C-48-55-A-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 33' 45"	105° 00' 54"	9° 48' 59"	105° 03' 36"	C-48-55-A-c
rạch Xẻo Cạn	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 49' 02"	105° 06' 52"	9° 49' 39"	105° 07' 36"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
rạch Xẻo Đăng	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 49' 21"	105° 06' 46"	9° 49' 57"	105° 07' 28"	C-48-55-A-c
rạch Xẻo Xu	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 50' 25"	105° 05' 55"	9° 51' 21"	105° 06' 13"	C-48-55-A-c
sông Cái Lớn	TV	xã Hưng Yên	H. An Biên			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
ấp 5 Biển B	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 50' 23"	105° 00' 52"					C-48-55-A-c
ấp 5 Chùa	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 49' 13"	105° 01' 36"					C-48-55-A-c
ấp 6 Biển	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 50' 16"	104° 58' 37"					C-48-54-B-d+c
ấp 6 Đình	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 49' 54"	104° 59' 00"					C-48-54-B-d+c
ấp Bào Láng	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 49' 02"	105° 02' 08"					C-48-55-A-c
ấp Đồng Giữa	DC	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 48' 11"	105° 00' 16"					C-48-55-A-c
Đường tỉnh 964	KX	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
chùa Vănsasuas dây	KX	xã Nam Thái	H. An Biên	9° 49' 10"	105° 01' 34"					C-48-55-A-c
đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-B-b; C-48-54-B-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch 10 Đò	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 47' 54"	104° 59' 32"	9° 47' 59"	105° 00' 31"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
Kênh 30-4	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 16"	104° 59' 59"	9° 50' 23"	105° 00' 47"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Bào Hang	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 47' 03"	105° 01' 34"	9° 50' 00"	105° 00' 32"	C-48-55-A-c
kênh Chống Mỹ	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 51' 16"	104° 59' 32"	9° 53' 56"	105° 02' 48"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Chống Mỹ	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 51' 15"	104° 59' 34"	9° 47' 13"	104° 57' 03"	C-48-54-B-d+c
kênh Dân Quân	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 45' 34"	105° 00' 00"	9° 49' 06"	105° 00' 05"	C-48-55-A-c
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-B-b; C-48-54-B-d+c
kênh Đề Bô	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 48' 39"	104° 58' 40"	9° 49' 07"	105° 00' 04"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Hai Hú	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 50' 00"	105° 00' 32"	9° 50' 37"	104° 59' 09"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Hai Mít	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 48' 23"	104° 59' 26"	9° 47' 22"	104° 59' 33"	C-48-54-B-d+c
kênh Lung Rừng	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 15"	104° 59' 55"	9° 49' 43"	104° 58' 33"	C-48-54-B-d+c
kênh Nông Trường	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 41"	104° 59' 22"	9° 46' 55"	104° 57' 32"	C-48-54-B-d+c
kênh Thầy Cai	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 04"	9° 49' 16"	104° 59' 59"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Thứ Năm	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 09"	105° 01' 39"	9° 52' 17"	104° 58' 20"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thứ Năm	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 47' 20"	105° 01' 51"	9° 49' 08"	105° 01' 32"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Sáu	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 16"	104° 59' 59"	9° 51' 18"	104° 57' 19"	C-48-54-B-d+c
kênh Thứ sáu Đồng Giữa	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 47' 53"	105° 00' 32"	9° 48' 58"	105° 00' 19"	C-48-55-A-c
kênh Thứ Tư	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 46' 17"	105° 03' 09"	9° 52' 47"	104° 58' 39"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c; C-48-54-B-b
kênh Xẻo Bà Lý	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 50' 37"	104° 59' 09"	9° 51' 35"	104° 58' 02"	C-48-54-B-d+c
rạch Bào Láng	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 48' 01"	105° 02' 34"	9° 50' 21"	105° 01' 17"	C-48-55-A-c
rạch Cây Kè	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 48' 59"	105° 00' 04"	9° 48' 23"	104° 59' 26"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
rạch Xẻo Dừa	TV	xã Nam Thái	H. An Biên			9° 49' 29"	104° 58' 24"	9° 50' 31"	104° 57' 26"	C-48-54-B-d+c
ấp 7 Biển	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 49' 53"	104° 56' 45"					C-48-54-B-d+c
ấp Đồng Giữa	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 47' 54"	104° 58' 51"					C-48-54-B-d+c
ấp Thái Hòa	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 47' 24"	104° 57' 48"					C-48-54-B-d+c
ấp Xẻo Đôi	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 49' 36"	104° 56' 17"					C-48-54-B-d+c
ấp Xẻo Quao A	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 49' 20"	104° 55' 26"					C-48-54-B-d+c
ấp Xẻo Quao B	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 48' 14"	104° 55' 59"					C-48-54-B-d+c
ấp Xẻo Vẹt	DC	xã Nam Thái A	H. An Biên	9° 49' 10"	104° 58' 08"					C-48-54-B-d+c
Đường tỉnh 964	KX	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-B-d+c
đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-B-d+c
kênh Bảy Biển	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 47' 07"	104° 59' 55"	9° 50' 55"	104° 56' 18"	C-48-54-B-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bảy Suol	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 45' 16"	104° 59' 41"	9° 48' 09"	104° 57' 30"	C-48-54-B-d+c
kênh Cây Kè	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 48' 23"	104° 59' 26"	9° 47' 49"	104° 58' 52"	C-48-54-B-d+c
kênh Chống Mỹ	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 47' 13"	104° 57' 03"	9° 53' 56"	105° 02' 48"	C-48-54-B-d+c
kênh Chống Mỹ Cũ	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 49' 23"	104° 57' 55"	9° 47' 47"	104° 56' 48"	C-48-54-B-d+c
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-B-d+c
kênh Đề Bô	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 48' 39"	104° 58' 40"	9° 49' 07"	105° 00' 04"	C-48-54-B-d+c
kênh Hai Mít	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 48' 23"	104° 59' 26"	9° 47' 22"	104° 59' 33"	C-48-54-B-d+c
kênh Khu 3	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 48' 04"	104° 58' 36"	9° 46' 49"	104° 57' 43"	C-48-54-B-d+c
kênh Ngang	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 47' 22"	104° 59' 33"	9° 46' 36"	104° 58' 05"	C-48-54-B-d+c
kênh Nông Trường	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 49' 41"	104° 59' 22"	9° 46' 55"	104° 57' 32"	C-48-54-B-d+c
kênh Xáng Mới	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 46' 28"	105° 00' 56"	9° 47' 49"	104° 58' 52"	C-48-54-B-d+c
kênh Xẻo Đôi	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 47' 29"	104° 57' 03"	9° 50' 48"	104° 55' 47"	C-48-54-B-d+c
kênh Xẻo Vẹt	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 49' 11"	104° 58' 12"	9° 50' 30"	104° 56' 50"	C-48-54-B-d+c
rạch Xẻo Dừa	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 49' 29"	104° 58' 24"	9° 50' 31"	104° 57' 26"	C-48-54-B-d+c
rạch Xẻo Quao	TV	xã Nam Thái A	H. An Biên			9° 46' 36"	104° 58' 03"	9° 50' 57"	104° 54' 52"	C-48-54-B-d+c
ấp Ba Biển	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 51' 49"	104° 59' 53"					C-48-55-A-c
ấp Ba Biển A	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 52' 27"	105° 00' 27"					C-48-55-A-c
ấp Ba Biển B	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 51' 56"	105° 01' 00"					C-48-55-A-c
ấp Bào Trâm	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 50' 35"	105° 02' 33"					C-48-55-A-c
ấp Hai Biển	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 53' 42"	105° 01' 06"					C-48-55-A-a
ấp Hai Trong	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 52' 45"	105° 02' 16"					C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hai Xáng	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 50' 10"	105° 04' 24"					C-48-55-A-c
ấp Yên Bình	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 50' 57"	105° 02' 09"					C-48-55-A-c
ấp Yên Lợi	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 51' 33"	105° 03' 32"					C-48-55-A-c
ấp Yên Quý	DC	xã Nam Yên	H. An Biên	9° 51' 44"	105° 01' 08"					C-48-55-A-c
Đường tỉnh 964	KX	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-55-A-a; C-48-54-B-b
kênh Chống Mỹ	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 51' 16"	104° 59' 32"	9° 53' 56"	105° 02' 48"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Cựa Gà	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 51' 24"	105° 00' 21"	9° 51' 55"	105° 00' 58"	C-48-55-A-c
Kênh Cùng	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 54' 01"	105° 01' 33"	9° 54' 09"	105° 02' 40"	C-48-55-A-a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-55-A-a; C-48-54-B-b; C-48-54-B-d+c
Kênh Kiểm	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 52' 07"	105° 04' 17"	9° 50' 45"	105° 02' 21"	C-48-55-A-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 04"	9° 49' 16"	104° 59' 59"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c
kênh Thứ Ba	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 49' 38"	105° 03' 15"	9° 53' 23"	104° 59' 16"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c; C-48-54-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thứ Hai	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 49' 46"	105° 04' 29"	9° 54' 29"	105° 00' 17"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c
kênh Thứ Tư	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 46' 17"	105° 03' 09"	9° 52' 47"	104° 58' 39"	C-48-54-B-b; C-48-54-B-d+c; C-48-55-A-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 48' 59"	105° 03' 36"	9° 51' 47"	105° 06' 38"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Dầu	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 52' 28"	105° 01' 13"	9° 52' 01"	105° 00' 52"	C-48-55-A-c
kênh Xẻo Kè	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 46' 32"	105° 03' 25"	9° 50' 19"	105° 02' 45"	C-48-55-A-c
rạch Xẻo Già	TV	xã Nam Yên	H. An Biên			9° 53' 39"	105° 03' 05"	9° 52' 52"	105° 02' 08"	C-48-55-A-a
ấp Kinh Dài	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 55' 23"	105° 03' 36"					C-48-55-A-a
ấp Kinh Xáng	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 55' 01"	105° 04' 10"					C-48-55-A-a
ấp Mương Quao	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 53' 58"	105° 04' 36"					C-48-55-A-a
ấp Rạch Cốc	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 56' 25"	105° 03' 59"					C-48-55-A-a
ấp Thứ Nhất	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 53' 48"	105° 02' 58"					C-48-55-A-a
ấp Xẻo Dinh	DC	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 54' 44"	105° 02' 09"					C-48-55-A-a
Đường tỉnh 964	KX	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-55-A-a
chùa Linh Châu	KX	xã Tây Yên	H. An Biên	9° 53' 46"	105° 04' 08"					C-48-55-A-a
đê Quốc Phòng	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-55-A-a
kênh Xẻo Dinh	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 53' 56"	105° 02' 48"	9° 55' 34"	105° 01' 28"	C-48-55-A-a
kênh Chống Mỹ	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 51' 16"	104° 59' 32"	9° 53' 56"	105° 02' 48"	C-48-55-A-a
Kênh Cùng	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 01"	105° 01' 33"	9° 54' 09"	105° 02' 40"	C-48-55-A-a
Kênh Dài	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 09"	105° 02' 40"	9° 56' 05"	105° 05' 00"	C-48-55-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đập Đá	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 20"	105° 02' 28"	9° 54' 01"	105° 01' 33"	C-48-55-A-a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-55-A-a
kênh Hai Mão	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 43"	105° 04' 24"	9° 55' 28"	105° 03' 44"	C-48-55-A-a
kênh Hai Phước	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 56' 23"	105° 03' 22"	9° 55' 41"	105° 04' 00"	C-48-55-A-a
kênh Hai Sến	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 29"	105° 04' 09"	9° 55' 06"	105° 05' 22"	C-48-55-A-a
kênh Hào Dần	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 56' 04"	105° 02' 51"	9° 55' 08"	105° 03' 24"	C-48-55-A-a
kênh Láng Chiêm	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 55' 15"	105° 05' 17"	9° 53' 39"	105° 03' 05"	C-48-55-A-a
kênh Mười Hên	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 40"	105° 03' 49"	9° 55' 06"	105° 03' 22"	C-48-55-A-a
kênh Mương Quao	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 53' 19"	105° 03' 23"	9° 54' 23"	105° 05' 34"	C-48-55-A-a
kênh Thứ Nhất	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 53' 15"	105° 03' 26"	9° 53' 56"	105° 02' 48"	C-48-55-A-a
Kênh Xáng	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 53' 56"	105° 02' 48"	9° 55' 38"	105° 05' 12"	C-48-55-A-a
Mương Cái	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 15"	105° 03' 54"	9° 54' 55"	105° 03' 13"	C-48-55-A-a
Mương Xã	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 54' 16"	105° 03' 55"	9° 54' 56"	105° 05' 26"	C-48-55-A-a
Rạch Cóc	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 56' 56"	105° 03' 47"	9° 55' 46"	105° 04' 07"	C-48-55-A-a
rạch Xẻo Già	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 53' 39"	105° 03' 05"	9° 52' 52"	105° 02' 08"	C-48-55-A-a
sông Cái Lớn	TV	xã Tây Yên	H. An Biên			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-a
ấp Hai Tốt	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 53' 51"	105° 04' 32"					C-48-55-A-a
ấp Mương 40	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 52' 39"	105° 05' 10"					C-48-55-A-c
ấp Mương Chùa	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 53' 22"	105° 05' 03"					C-48-55-A-a
ấp Ngã Bát	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 52' 07"	105° 05' 41"					C-48-55-A-c
ấp Rẫy Mới	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 52' 47"	105° 03' 47"					C-48-55-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Rọc Lá	DC	xã Tây Yên A	H. An Biên	9° 51' 23"	105° 04' 48"					C-48-55-A-c
Kênh 40	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 52' 58"	105° 06' 05"	9° 52' 13"	105° 04' 13"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c
kênh Đường Xuồng	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 51' 14"	105° 06' 01"	9° 51' 05"	105° 04' 56"	C-48-55-A-c
Kênh Kiểm	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 52' 07"	105° 04' 17"	9° 50' 45"	105° 02' 21"	C-48-55-A-c
kênh Mương Chùa	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 53' 39"	105° 05' 47"	9° 52' 49"	105° 03' 47"	C-48-55-A-a
kênh Mương Quao	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 53' 19"	105° 03' 23"	9° 54' 23"	105° 05' 34"	C-48-55-A-a
kênh Ngã Bát	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 51' 26"	105° 04' 43"	9° 52' 26"	105° 06' 19"	C-48-55-A-c
kênh Rọc Lá	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 50' 25"	105° 05' 10"	9° 53' 15"	105° 03' 26"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 50' 26"	105° 05' 04"	9° 49' 16"	104° 59' 59"	C-48-55-A-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 48' 59"	105° 03' 36"	9° 51' 47"	105° 06' 38"	C-48-55-A-c
sông Cái Lớn	TV	xã Tây Yên A	H. An Biên			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-a
Khu phố 1	DC	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 36' 45"	104° 56' 37"					C-48-54-D-d
Khu phố 2	DC	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 36' 23"	104° 56' 48"					C-48-54-D-d
Khu phố 3	DC	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 37' 48"	104° 56' 26"					C-48-54-D-b+a
Khu phố 4	DC	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 37' 36"	104° 56' 22"					C-48-54-D-b+a
Đường tỉnh 965B	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 37' 02"	105° 02' 23"	9° 34' 33"	104° 51' 28"	C-48-54-D-d
Đường tỉnh 967	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 32' 26"	104° 59' 31"	9° 45' 28"	104° 59' 58"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
cầu Bà Điền	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 37' 24"	104° 56' 30"					C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Chệt Ớt	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 37' 14"	104° 56' 33"					C-48-54-D-d
cầu Kênh Bắc	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 38' 11"	104° 56' 18"					C-48-54-D-b+a
Cống 26-3	KX	TT. Thứ 11	H. An Minh	9° 36' 10"	104° 56' 49"					C-48-54-D-d
kênh Bà Điền	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 38' 16"	104° 59' 50"	9° 37' 23"	104° 56' 29"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
kênh Chệt Ớt	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 38' 12"	104° 59' 48"	9° 37' 14"	104° 56' 32"	C-48-54-D-d
kênh Chủ Vàng	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 38' 19"	104° 56' 17"	9° 38' 31"	104° 53' 01"	C-48-54-D-b+a
Kênh Hãng	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 37' 02"	105° 02' 24"	9° 36' 42"	104° 56' 41"	C-48-54-D-d
kênh Kim Quy	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 36' 42"	104° 56' 39"	9° 34' 13"	104° 50' 19"	C-48-54-D-d
kênh Mười Thân	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 37' 23"	104° 56' 29"	9° 37' 21"	104° 55' 27"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 46' 26"	105° 00' 54"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
lung Rọ Ghe	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 36' 22"	104° 55' 49"	9° 40' 31"	104° 53' 40"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
Sông Trẹm	TV	TT. Thứ 11	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 36' 22"	104° 55' 49"	C-48-54-D-d
ấp 7 Xáng	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 44' 50"	104° 59' 57"					C-48-54-D-b+a
ấp 7 Xáng 1	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 45' 30"	104° 58' 48"					C-48-55-C-a
ấp 7 Xáng 2	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 42' 53"	105° 00' 41"					C-48-55-C-a
ấp 8 Xáng	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 43' 58"	104° 58' 26"					C-48-54-D-b+a
ấp 8 Xáng 1	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 44' 17"	104° 56' 59"					C-48-54-D-b+a
ấp 9 Chợ	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 42' 56"	104° 57' 50"					C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp 9 Xáng	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 43' 12"	104° 58' 03"					C-48-54-D-b+a
ấp 9 Xáng 1	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 41' 23"	104° 59' 51"					C-48-54-D-b+a
ấp Hòa Đông	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 41' 24"	105° 01' 48"					C-48-55-C-a
ấp Minh Hòa	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 43' 47"	105° 02' 09"					C-48-55-C-a
ấp Trung Hòa	DC	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 42' 43"	105° 01' 07"					C-48-55-C-a
Đường tỉnh 967	KX	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 32' 26"	104° 59' 31"	9° 45' 28"	104° 59' 58"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
cầu Kiểm Lâm	KX	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 45' 24"	104° 57' 01"					C-48-54-B-d+c
cầu Rạch Kỷ	KX	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 44' 48"	104° 59' 14"					C-48-54-D-b+a
chùa Hòa Sơn Tự	KX	xã Đông Hòa	H. An Minh	9° 45' 08"	104° 59' 36"					C-48-54-B-d+c
Kênh 500	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 44' 40"	104° 58' 30"	9° 43' 22"	104° 57' 23"	C-48-54-D-b+a
Kênh 2200	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 42' 18"	105° 02' 23"	9° 43' 13"	105° 01' 02"	C-48-55-C-a
Kênh 3000	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 43' 31"	105° 00' 32"	9° 40' 22"	104° 58' 43"	C-48-54-D-b+a; C-48-55-C-a
Kênh 4000	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 44' 12"	105° 01' 45"	9° 43' 13"	105° 01' 02"	C-48-55-C-a
kênh Bảy Suol	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 45' 16"	104° 59' 41"	9° 48' 09"	104° 57' 30"	C-48-54-B-d+c
kênh Cả Hổ	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 41' 36"	105° 00' 20"	9° 42' 58"	104° 57' 54"	C-48-54-D-b+a
kênh Chệt Kỵ	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 44' 48"	104° 59' 14"	9° 42' 33"	105° 00' 55"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Chồi Mồi	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 43' 29"	104° 56' 20"	9° 43' 32"	104° 55' 56"	C-48-54-D-b+a
kênh Chủ Phước	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 43' 44"	105° 02' 27"	9° 42' 41"	105° 01' 49"	C-48-55-C-a
kênh Cờ Trắng	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 43' 32"	104° 57' 04"	9° 44' 45"	104° 58' 18"	C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Giữa	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 44' 55"	104° 58' 04"	9° 43' 33"	104° 57' 02"	C-48-54-D-b+a; C-48-54-B-d+c
kênh Hàng Gáo	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 43' 34"	105° 02' 41"	9° 42' 32"	105° 02' 03"	C-48-55-C-a
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 47' 13"	104° 57' 03"	9° 43' 29"	104° 56' 20"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh KT1	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 33' 35"	105° 00' 04"	9° 43' 54"	105° 02' 11"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh KT2	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 41' 45"	105° 01' 20"	9° 37' 00"	104° 59' 15"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh KT3	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 42' 45"	105° 03' 17"	9° 37' 00"	105° 00' 13"	C-48-55-C-a
kênh KT4	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 40' 57"	105° 02' 30"	9° 37' 01"	105° 01' 00"	C-48-55-C-a
kênh KT5	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 40' 51"	105° 02' 40"	9° 32' 45"	105° 01' 26"	C-48-55-C-a
kênh Làng Thứ Bảy	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 30' 37"	105° 15' 16"	9° 45' 28"	104° 59' 55"	C-48-55-A-c; C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a
kênh Năm Ký	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 45' 51"	104° 57' 54"	9° 45' 09"	104° 57' 33"	C-48-54-B-d+c
kênh Năm Tím	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 41' 48"	105° 00' 26"	9° 43' 15"	104° 58' 03"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Nhị Tỳ	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 42' 46"	105° 01' 07"	9° 45' 01"	104° 59' 27"	C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Ông Kiệt	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 44' 49"	104° 59' 12"	9° 46' 31"	104° 57' 16"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ông Lục	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 43' 16"	105° 01' 05"	9° 45' 15"	104° 59' 41"	C-48-54-B-d+c; C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Phán Linh	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 40' 40"	105° 02' 55"	9° 43' 50"	104° 58' 15"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Quảng Điển	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 42' 02"	104° 57' 35"	9° 39' 09"	105° 02' 21"	C-48-54-D-b+a
kênh Thứ 8	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 44' 32"	104° 58' 54"	9° 45' 24"	104° 57' 01"	C-48-54-D-b+a
kênh Thứ 9	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 43' 04"	104° 57' 54"	9° 43' 57"	104° 56' 26"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
Kênh Xã	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 41' 12"	105° 00' 10"	9° 42' 42"	104° 57' 49"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Xáng 2	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 43' 24"	105° 02' 55"	9° 41' 45"	105° 01' 20"	C-48-55-C-a
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 46' 26"	105° 00' 54"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Quao	TV	xã Đông Hòa	H. An Minh			9° 45' 28"	104° 59' 55"	9° 46' 36"	104° 58' 05"	C-48-54-B-d+c
ấp 10 Chợ	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 39' 37"	104° 56' 48"					C-48-54-D-b+a
ấp 10 Chợ A	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 39' 32"	104° 56' 08"					C-48-54-D-b+a
ấp 10 Huỳnh	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 38' 46"	104° 56' 31"					C-48-54-D-b+a
Ấp 11B	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 37' 34"	104° 57' 35"					C-48-54-D-b+a
ấp Đông Bình	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 38' 03"	104° 59' 14"					C-48-54-D-b+a
ấp Thành Phụng Đông	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 36' 59"	105° 00' 03"					C-48-54-D-d
ấp Thành Phụng Tây	DC	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 37' 01"	104° 58' 25"					C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 965B	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 37' 02"	105° 02' 23"	9° 34' 33"	104° 51' 28"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
Đường tỉnh 967	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 32' 26"	104° 59' 31"	9° 45' 28"	104° 59' 58"	C-48-54-D-b+a
cầu Ba Hun	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 39' 52"	104° 56' 52"					C-48-54-D-b+a
cầu Hai Phát	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 38' 51"	104° 56' 31"					C-48-54-D-b+a
cầu KT 1	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 36' 59"	104° 59' 06"					C-48-54-D-d
cầu Mười Rẫy	KX	xã Đông Hưng	H. An Minh	9° 39' 16"	104° 56' 38"					C-48-54-D-b+a
Kênh 26-3	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 36' 31"	104° 59' 13"	9° 36' 00"	104° 57' 58"	C-48-54-D-d
Kênh 700	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 40' 11"	104° 55' 37"	9° 40' 35"	104° 54' 52"	C-48-54-D-b+a
kênh Bà Điền	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 16"	104° 59' 50"	9° 37' 23"	104° 56' 29"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
kênh Chệt Ớt	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 12"	104° 59' 48"	9° 37' 14"	104° 56' 32"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
kênh Dự Án 773	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 36' 39"	105° 02' 03"	9° 36' 31"	104° 59' 13"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh Hai Phát	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 05"	104° 58' 33"	9° 38' 52"	104° 56' 30"	C-48-54-D-b+a
Kênh Hãng	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 37' 02"	105° 02' 24"	9° 36' 42"	104° 56' 41"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
Kênh Hội	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 34' 31"	104° 58' 43"	9° 36' 34"	104° 59' 37"	C-48-54-D-d
kênh Kim Bắc	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 02"	104° 56' 53"	9° 38' 08"	104° 57' 50"	C-48-54-D-b+a
kênh KT1	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 33' 35"	105° 00' 04"	9° 43' 54"	105° 02' 11"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh KT2	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 41' 45"	105° 01' 20"	9° 37' 00"	104° 59' 15"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh KT3	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 42' 45"	105° 03' 17"	9° 37' 00"	105° 00' 13"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
kênh KT4	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 40' 57"	105° 02' 30"	9° 37' 01"	105° 01' 00"	C-48-55-C-a; C-48-55-C-c
kênh KT5	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 37' 27"	105° 02' 06"	9° 32' 45"	105° 01' 26"	C-48-55-C-c
kênh Mười Biển	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 39' 18"	104° 56' 37"	9° 40' 05"	104° 54' 44"	C-48-54-D-b+a
kênh Mười Rẫy	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 19"	104° 58' 52"	9° 39' 16"	104° 56' 38"	C-48-54-D-b+a
kênh Nông Trường	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 39' 08"	104° 54' 28"	9° 42' 20"	104° 55' 21"	C-48-54-D-b+a
kênh Ông Đường	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 40' 59"	104° 54' 59"	9° 39' 56"	104° 56' 50"	C-48-54-D-b+a
kênh Thầy Ba	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 38' 34"	104° 58' 59"	9° 39' 53"	104° 56' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Xáng Đội 2	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 36' 17"	105° 02' 16"	9° 36' 12"	104° 59' 17"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 46' 26"	105° 00' 54"	C-48-54-D-b+a
lung Rọ Ghe	TV	xã Đông Hưng	H. An Minh			9° 36' 22"	104° 55' 49"	9° 40' 31"	104° 53' 40"	C-48-54-D-b+a
ấp Hưng Lâm	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 40' 26"	104° 53' 56"					C-48-54-D-b+a
ấp Ngọc Hải	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 41' 29"	104° 51' 58"					C-48-54-D-b+a
ấp Ngọc Hòa	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 40' 07"	104° 52' 53"					C-48-54-D-b+a
ấp Ngọc Hồng	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 41' 04"	104° 52' 39"					C-48-54-D-b+a
ấp Ngọc Thuận	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 42' 22"	104° 52' 30"					C-48-54-D-b+a
ấp Rọ Ghe	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 40' 50"	104° 55' 55"					C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thuồng Luồng	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 41' 57"	104° 53' 09"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Đôi	DC	xã Đông Hưng A	H. An Minh	9° 39' 59"	104° 52' 52"					C-48-54-D-b+a
Đường tỉnh 964	KX	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-D-b+a
đê Quốc Phòng	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-D-b+a
kênh Ba Mạnh	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 41' 05"	104° 51' 44"	9° 40' 26"	104° 52' 39"	C-48-54-D-b+a
kênh Chống Mỹ	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-D-b+a
kênh Mương Lớn	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 40' 13"	104° 51' 38"	9° 39' 51"	104° 52' 30"	C-48-54-D-b+a
kênh Nông Trường	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 39' 08"	104° 54' 28"	9° 42' 20"	104° 55' 21"	C-48-54-D-b+a
kênh Rọ Ghe	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 40' 05"	104° 54' 44"	9° 41' 43"	104° 51' 11"	C-48-54-D-b+a
kênh Thuồng Luồng	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 40' 46"	104° 54' 55"	9° 42' 42"	104° 51' 45"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Đôi	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 39' 09"	104° 54' 27"	9° 40' 43"	104° 51' 01"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Lúa	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 41' 23"	104° 54' 01"	9° 42' 57"	104° 51' 48"	C-48-54-D-b+a
lung Rọ Ghe	TV	xã Đông Hưng A	H. An Minh			9° 36' 22"	104° 55' 49"	9° 40' 31"	104° 53' 40"	C-48-54-D-b+a
Ấp 11A	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 35' 53"	104° 56' 55"					C-48-54-D-d
Ấp 15	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 33' 46"	105° 01' 33"					C-48-55-C-c
ấp Cán Gáo	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 34' 35"	104° 56' 34"					C-48-54-D-d
ấp Danh Coi	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 33' 24"	105° 00' 02"					C-48-55-C-c
ấp Ngã Bát	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 33' 21"	104° 58' 29"					C-48-54-D-d
ấp Thanh Hùng	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 35' 18"	104° 59' 33"					C-48-55-C-c
ấp Vàm Xáng	DC	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 34' 52"	104° 57' 10"					C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cống 26-3	KX	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 36' 10"	104° 56' 49"					C-48-54-D-d
Đường tỉnh 967	KX	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 26"	104° 59' 31"	9° 45' 28"	104° 59' 58"	C-48-54-D-d
cầu Kênh 25	KX	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 33' 28"	104° 57' 44"					C-48-54-D-d
chùa Ngọc Tâm Đàn	KX	xã Đông Hưng B	H. An Minh	9° 34' 50"	104° 57' 05"					C-48-54-D-d
Kênh 1	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 42"	104° 59' 51"	9° 32' 40"	104° 58' 41"	C-48-54-D-d
Kênh 2	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 50"	104° 59' 39"	9° 32' 46"	104° 58' 28"	C-48-54-D-d
Kênh 3	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 59' 08"	9° 32' 53"	104° 58' 17"	C-48-54-D-d
Kênh 4	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 05"	104° 59' 14"	9° 32' 58"	104° 58' 10"	C-48-54-D-d
Kênh 5	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 58"	104° 58' 48"	9° 33' 07"	104° 57' 59"	C-48-54-D-d
Kênh 6	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 04"	104° 58' 38"	9° 33' 15"	104° 57' 50"	C-48-54-D-d
Kênh 11	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 45"	104° 57' 12"	9° 34' 40"	104° 55' 21"	C-48-54-D-d
Kênh 12	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 24"	104° 56' 56"	9° 34' 11"	104° 55' 09"	C-48-54-D-d
Kênh 13	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 01"	104° 56' 39"	9° 33' 45"	104° 54' 53"	C-48-54-D-d
Kênh 25	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 25"	104° 58' 41"	9° 33' 25"	104° 57' 41"	C-48-54-D-d
Kênh 26	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 24"	104° 56' 15"	9° 33' 49"	104° 57' 16"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
Kênh 26-3	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 36' 31"	104° 59' 13"	9° 36' 00"	104° 57' 58"	C-48-54-D-d
Kênh 27	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 48"	104° 55' 51"	9° 34' 12"	104° 56' 48"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
Kênh 28	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 12"	104° 55' 27"	9° 34' 24"	104° 56' 15"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
Kênh 29	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 30"	104° 55' 09"	9° 34' 53"	104° 55' 59"	C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 2000	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 42"	104° 58' 01"	9° 34' 41"	104° 58' 15"	C-48-54-D-d
Kênh Cảng	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 39"	104° 57' 32"	9° 34' 32"	104° 58' 29"	C-48-54-D-d
kênh Đường Tắt	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 40"	104° 56' 29"	9° 35' 02"	104° 57' 03"	C-48-54-D-d
kênh Họa Đồ	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 58"	104° 59' 53"	9° 35' 42"	104° 58' 02"	C-48-54-D-d
Kênh Hội	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 31"	104° 58' 43"	9° 36' 34"	104° 59' 37"	C-48-54-D-d
kênh KT1	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 35"	105° 00' 04"	9° 43' 54"	105° 02' 11"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh KT5	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 37' 27"	105° 02' 06"	9° 32' 45"	105° 01' 26"	C-48-55-C-c
kênh Lò Bún	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 42"	104° 59' 25"	9° 35' 10"	104° 58' 09"	C-48-54-D-d
Kênh Mới	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 00"	104° 58' 36"	9° 36' 59"	104° 58' 48"	C-48-54-D-d
kênh Mười Kiều	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 40"	104° 58' 16"	9° 33' 49"	104° 57' 23"	C-48-54-D-d
kênh Mười Một Rưỡi	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 59"	104° 56' 40"	9° 34' 26"	104° 55' 16"	C-48-54-D-d
kênh Năm Ấp Tý	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 12"	104° 57' 18"	9° 33' 35"	105° 00' 04"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh Năm Đất Sét	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 29' 43"	104° 52' 46"	9° 36' 22"	104° 55' 48"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
kênh Năm Ngang	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 39"	104° 56' 07"	9° 35' 21"	104° 55' 43"	C-48-54-D-d
kênh Năm Quang	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 28"	104° 58' 36"	9° 34' 54"	104° 59' 38"	C-48-54-D-d
kênh Năm Sện	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 15"	105° 00' 55"	9° 35' 16"	104° 59' 32"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh Thanh Niên Xung Phong	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 00"	104° 58' 36"	9° 34' 40"	104° 58' 16"	C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xáng Cùng	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 29"	105° 01' 52"	9° 33' 35"	105° 00' 04"	C-48-55-C-c
kênh Xáng Đội 2	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 36' 17"	105° 02' 16"	9° 36' 12"	104° 59' 17"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 46' 26"	105° 00' 54"	C-48-54-D-d
lung Sáu Cảnh	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 09"	104° 59' 10"	9° 36' 25"	104° 59' 14"	C-48-54-D-d
ngọn Ngã Bát	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 35' 15"	105° 00' 55"	9° 32' 24"	104° 59' 28"	C-48-54-D-d; C-48-55-C-c
rạch Mương Chùa	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 34' 32"	104° 56' 34"	9° 34' 42"	104° 57' 09"	C-48-54-D-d
Sông Trẹm	TV	xã Đông Hưng B	H. An Minh			9° 32' 24"	104° 59' 28"	9° 36' 22"	104° 55' 49"	C-48-54-D-d
ấp Thạnh An	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 41' 29"	104° 57' 26"					C-48-54-D-b+a
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 40' 09"	104° 58' 58"					C-48-54-D-b+a
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 41' 37"	104° 57' 22"					C-48-54-D-b+a
ấp Thạnh Phong	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 39' 37"	104° 57' 57"					C-48-54-D-b+a
ấp Thạnh Phú	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 40' 21"	104° 57' 03"					C-48-54-D-b+a
ấp Thạnh Tây A	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 40' 05"	105° 00' 36"					C-48-55-C-a
ấp Thạnh Tây B	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 38' 58"	105° 01' 55"					C-48-55-C-a
ấp Thạnh Tiến	DC	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 41' 28"	104° 56' 18"					C-48-55-D-b+a
Đường tỉnh 967	KX	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 32' 26"	104° 59' 31"	9° 45' 28"	104° 59' 58"	C-48-54-D-b+a
Đường tỉnh 968	KX	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 40' 57"	104° 57' 12"	9° 44' 36"	104° 52' 09"	C-48-54-D-b+a
cầu Ba Hun	KX	xã Đông Thạnh	H. An Minh	9° 39' 52"	104° 56' 52"					C-48-54-D-b+a
Kênh 3000	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 43' 31"	105° 00' 32"	9° 40' 22"	104° 58' 43"	C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Chiến Tranh	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 40' 53"	104° 55' 41"	9° 40' 11"	104° 56' 55"	C-48-54-D-b+a
kênh Chín Rưỡi - Xẻo Nhàu	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 40' 57"	104° 57' 11"	9° 44' 38"	104° 51' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Công Nghiệp	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 38' 49"	104° 59' 05"	9° 40' 07"	104° 56' 56"	C-48-54-D-b+a
kênh Giữa KT3-KT4	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 38' 33"	105° 01' 18"	9° 40' 54"	105° 02' 10"	C-48-55-C-a
kênh KT1	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 33' 35"	105° 00' 04"	9° 43' 54"	105° 02' 11"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh KT2	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 41' 45"	105° 01' 20"	9° 37' 00"	104° 59' 15"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh KT3	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 42' 45"	105° 03' 17"	9° 37' 00"	105° 00' 13"	C-48-55-C-a
kênh KT4	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 40' 57"	105° 02' 30"	9° 37' 01"	105° 01' 00"	C-48-55-C-a
kênh KT5	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 37' 27"	105° 02' 06"	9° 32' 45"	105° 01' 26"	C-48-55-C-a
kênh Mười Quang	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 37' 49"	105° 02' 28"	9° 41' 14"	104° 57' 19"	C-48-55-C-a; C-48-54-D-b+a
kênh Nguyễn Văn Chiếm	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 39' 25"	104° 59' 21"	9° 40' 46"	104° 57' 09"	C-48-54-D-b+a
kênh Ông Đường	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 40' 59"	104° 54' 59"	9° 39' 56"	104° 56' 50"	C-48-54-D-b+a
kênh Quảng Điển	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 42' 02"	104° 57' 35"	9° 39' 09"	105° 02' 21"	C-48-54-D-b+a; C-48-55-C-a
kênh Thầy Ba	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 38' 34"	104° 58' 59"	9° 39' 53"	104° 56' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Thầy Hai	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 42' 01"	104° 57' 33"	9° 43' 32"	104° 55' 08"	C-48-54-D-b+a
kênh Xáng Xẻo Rô	TV	xã Đông Thạnh	H. An Minh			9° 33' 45"	104° 57' 23"	9° 46' 26"	105° 00' 54"	C-48-54-D-b+a
ấp Thạnh Thuận	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 42' 43"	104° 55' 01"					C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thạnh Tiên	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 41' 28"	104° 54' 51"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Lá A	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 43' 18"	104° 52' 51"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Lá B	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 42' 49"	104° 53' 28"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Ngát A	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 44' 55"	104° 53' 36"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Ngát B	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 44' 21"	104° 54' 38"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Nhàu A	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 44' 13"	104° 53' 08"					C-48-54-D-b+a
ấp Xẻo Nhàu B	DC	xã Tân Thạnh	H. An Minh	9° 43' 17"	104° 54' 24"					C-48-54-D-b+a
Đường tỉnh 964	KX	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-D-b+a
Đường tỉnh 968	KX	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 40' 57"	104° 57' 12"	9° 44' 36"	104° 52' 09"	C-48-54-D-b+a
đê Quốc Phòng	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh 30 Xẻo Ngát - Thứ 10	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 44' 34"	104° 54' 45"	9° 45' 54"	104° 52' 14"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh 30 Xẻo Ngát - Xẻo Nhàu	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 43' 54"	104° 54' 12"	9° 44' 56"	104° 52' 15"	C-48-54-D-b+a
kênh Chín Rưỡi - Xẻo Nhàu	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 40' 57"	104° 57' 11"	9° 44' 38"	104° 51' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Chống Mỹ	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-D-b+a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Nông Trường	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 39' 08"	104° 54' 28"	9° 42' 20"	104° 55' 21"	C-48-54-D-b+a
kênh Thầy Hai	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 42' 01"	104° 57' 33"	9° 43' 32"	104° 55' 08"	C-48-54-D-b+a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thuồng Luồng	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 40' 46"	104° 54' 55"	9° 42' 42"	104° 51' 45"	C-48-54-D-b+a
kênh Trường Học	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 43' 21"	104° 55' 00"	9° 44' 35"	104° 55' 05"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Lá	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 42' 57"	104° 53' 31"	9° 43' 36"	104° 51' 55"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Lá	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 41' 49"	104° 54' 30"	9° 42' 48"	104° 53' 26"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Lúa	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 41' 23"	104° 54' 01"	9° 42' 57"	104° 51' 48"	C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Ngát	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 44' 09"	104° 54' 25"	9° 44' 38"	104° 52' 10"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Xẻo Ngát	TV	xã Tân Thạnh	H. An Minh			9° 43' 29"	104° 54' 42"	9° 44' 06"	104° 54' 22"	C-48-54-D-b+a
ấp 8I	DC	xã Thuận Hòa	H. An Minh	9° 47' 48"	104° 54' 19"					C-48-54-B-d+c
ấp 8II	DC	xã Thuận Hòa	H. An Minh	9° 45' 54"	104° 55' 59"					C-48-54-B-d+c
ấp 9A	DC	xã Thuận Hòa	H. An Minh	9° 46' 25"	104° 54' 10"					C-48-54-B-d+c
ấp 9B	DC	xã Thuận Hòa	H. An Minh	9° 45' 04"	104° 55' 31"					C-48-54-B-d+c
ấp 10 Biển	DC	xã Thuận Hòa	H. An Minh	9° 45' 41"	104° 53' 42"					C-48-54-B-d+c
ấp Bần A	DC	xã Thuận Hòa	H. An Minh	9° 48' 42"	104° 55' 00"					C-48-54-B-d+c
ấp Bần B	DC	xã Thuận Hòa	H. An Minh	9° 47' 21"	104° 55' 56"					C-48-54-B-d+c
ấp Xẻo Quao	DC	xã Thuận Hòa	H. An Minh	9° 48' 03"	104° 56' 03"					C-48-54-B-d+c
Đường tỉnh 964	KX	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
cầu Kiểm Lâm	KX	xã Thuận Hòa	H. An Minh	9° 45' 24"	104° 57' 01"					C-48-54-B-d+c
đê Quốc Phòng	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-B-d+c
kênh 30 Thứ 9 - Thứ 8	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 46' 12"	104° 55' 31"	9° 47' 42"	104° 53' 28"	C-48-54-B-d+c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cây Sao	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 45' 10"	104° 56' 06"	9° 44' 54"	104° 55' 30"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Chống Mỹ	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-B-d+c
kênh Kiểm Lâm	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 47' 13"	104° 57' 03"	9° 43' 29"	104° 56' 20"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
kênh Mương Củi - 9 Lựa	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 46' 00"	104° 56' 23"	9° 46' 50"	104° 56' 05"	C-48-54-B-d+c
kênh Ông Kiệt	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 44' 49"	104° 59' 12"	9° 46' 20"	104° 57' 40"	C-48-54-B-d+c
kênh Thầy Hai	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 42' 01"	104° 57' 33"	9° 43' 32"	104° 55' 08"	C-48-54-D-b+a
kênh Trường Học	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 43' 21"	104° 55' 00"	9° 44' 35"	104° 55' 05"	C-48-54-D-b+a
rạch Thứ 8	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 45' 24"	104° 57' 01"	9° 48' 43"	104° 52' 55"	C-48-54-B-d+c
rạch Thứ 9	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 43' 04"	104° 57' 54"	9° 47' 17"	104° 52' 40"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
rạch Thứ 10	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 43' 32"	104° 55' 56"	9° 46' 16"	104° 52' 22"	C-48-54-B-d+c; C-48-54-D-b+a
rạch Xẻo Bần	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 46' 31"	104° 57' 16"	9° 46' 59"	104° 56' 10"	C-48-54-B-d+c
rạch Xẻo Quao	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 46' 36"	104° 58' 05"	9° 50' 57"	104° 54' 52"	C-48-54-B-d+c
rạch Xẻo Tre	TV	xã Thuận Hòa	H. An Minh			9° 43' 32"	104° 55' 08"	9° 44' 32"	104° 55' 08"	C-48-54-D-b+a
ấp Kim Quy A	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 34' 41"	104° 52' 18"					C-48-54-D-c
ấp Kim Quy B	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 34' 37"	104° 51' 31"					C-48-54-D-c
ấp Kinh Năm	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 33' 40"	104° 54' 02"					C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mương Đào A	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 36' 03"	104° 51' 37"					C-48-54-D-c
ấp Mương Đào B	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 35' 32"	104° 53' 24"					C-48-54-D-d
ấp Mương Đào C	DC	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 36' 08"	104° 55' 05"					C-48-54-D-d
Đường tỉnh 964	KX	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-D-c
Đường tỉnh 965B	KX	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 37' 02"	105° 02' 23"	9° 34' 33"	104° 51' 28"	C-48-54-D-c; C-48-55-D-d
Trạm biên phòng 714	KX	xã Vân Khánh	H. An Minh	9° 34' 15"	104° 50' 17"					C-48-54-D-d
Kênh 1	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 34' 51"	104° 54' 38"	9° 34' 10"	104° 54' 56"	C-48-54-D-d
kênh Ba Thọ	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 36' 50"	104° 55' 38"	9° 36' 03"	104° 52' 40"	C-48-54-D-d
kênh Chống Mỹ	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-D-c
kênh Chốt 3	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 00"	104° 55' 32"	9° 35' 15"	104° 54' 56"	C-48-54-D-d
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-D-c
kênh Kim Quy	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 36' 42"	104° 56' 39"	9° 34' 13"	104° 50' 19"	C-48-54-D-c; C-48-54-D-d
kênh Mương Đào	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 29"	104° 53' 36"	9° 36' 54"	104° 50' 42"	C-48-54-D-c; C-48-54-D-d
kênh Năm Dân Quân	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 34' 00"	104° 51' 51"	9° 35' 09"	104° 52' 58"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
kênh Năm Đất Sét	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 29' 43"	104° 52' 46"	9° 36' 22"	104° 55' 48"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
kênh Ngọn Kim Quy	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 33' 40"	104° 54' 37"	9° 34' 05"	104° 51' 27"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Tư Cán Gáo	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 22"	104° 55' 44"	9° 35' 29"	104° 53' 36"	C-48-54-D-d
kênh Xáng 1	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 29' 56"	104° 52' 39"	9° 33' 46"	104° 54' 53"	C-48-54-D-d
kênh Xáng 2	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 32' 11"	104° 53' 04"	9° 36' 03"	104° 55' 01"	C-48-54-D-d
kênh Xáng 3	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 32' 40"	104° 52' 19"	9° 35' 33"	104° 53' 44"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
lung Rọ Ghe	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 36' 22"	104° 55' 49"	9° 38' 24"	104° 55' 05"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-b+a
rạch Cái Kim Quy	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 34' 03"	104° 51' 26"	9° 34' 11"	104° 50' 28"	C-48-54-D-c
rạch Cây Thông	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 07"	104° 51' 30"	9° 35' 25"	104° 50' 27"	C-48-54-D-c
rạch Chà Già Giả	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 36' 41"	104° 50' 46"	9° 36' 20"	104° 52' 11"	C-48-54-D-c
rạch Chà Già Thiệt	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 47"	104° 51' 35"	9° 36' 05"	104° 50' 34"	C-48-54-D-c
rạch Mãng Cú	TV	xã Vân Khánh	H. An Minh			9° 35' 43"	104° 50' 47"	9° 35' 19"	104° 51' 52"	C-48-54-D-c
ấp Minh Cơ	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 37' 52"	104° 52' 07"					C-48-54-D-c
ấp Minh Giồng	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 38' 48"	104° 52' 15"					C-48-54-D-b+a
ấp Mương Đào	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 36' 52"	104° 51' 48"					C-48-54-D-c
ấp Ngọc Hiển	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 39' 30"	104° 52' 26"					C-48-54-D-b+a
ấp Ngọc Thành	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 38' 25"	104° 54' 30"					C-48-54-D-b+a
ấp Phong Lưu	DC	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh	9° 37' 13"	104° 53' 28"					C-48-54-D-d
Đường tỉnh 964	KX	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-D-c; C-48-54-D-b+a
đê Quốc Phòng	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 39' 06"	104° 51' 05"	9° 56' 04"	105° 04' 57"	C-48-54-D-b+a; C-48-54-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ba Thọ	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 36' 50"	104° 55' 38"	9° 36' 03"	104° 52' 40"	C-48-54-D-d
kênh Chà Tre	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 38' 58"	104° 53' 04"	9° 39' 59"	104° 51' 18"	C-48-54-D-b+a
kênh Chính Phủ	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 37' 10"	104° 51' 55"	9° 37' 30"	104° 50' 47"	C-48-54-D-c
kênh Chống Mỹ	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-D-c; C-48-54-D-b+a
kênh Chủ Vàng	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 38' 19"	104° 56' 17"	9° 38' 31"	104° 53' 01"	C-48-54-D-b+a
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-D-b+a; C-48-54-D-c
kênh Mười Thân	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 37' 21"	104° 55' 27"	9° 37' 10"	104° 51' 55"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
kênh Mương Đào	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 35' 29"	104° 53' 36"	9° 36' 54"	104° 50' 42"	C-48-54-D-c; C-48-54-D-d
kênh Rạch Bà	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 37' 54"	104° 52' 58"	9° 38' 40"	104° 51' 00"	C-48-54-D-b+a
lung Rọ Ghe	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 36' 22"	104° 55' 49"	9° 40' 31"	104° 53' 40"	C-48-54-D-b+a
rạch Con Heo	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 37' 33"	104° 52' 00"	9° 38' 04"	104° 50' 53"	C-48-54-D-b+a
rạch Nằm Bếp	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 37' 10"	104° 51' 55"	9° 37' 25"	104° 51' 02"	C-48-54-D-c
rạch Nằm Bếp Trong	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 36' 28"	104° 52' 10"	9° 37' 05"	104° 51' 55"	C-48-54-D-c
Rạch Ông	TV	xã Vân Khánh Đông	H. An Minh			9° 38' 16"	104° 53' 00"	9° 39' 09"	104° 50' 50"	C-48-54-D-b+a
ấp Cây Gõ	DC	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 32' 00"	104° 50' 53"					C-48-54-D-c
ấp Kim Quy A1	DC	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 32' 51"	104° 51' 52"					C-48-54-D-c
ấp Kim Quy A2	DC	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 33' 39"	104° 54' 13"					C-48-54-D-d
ấp Kinh Năm Đất Sét	DC	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 31' 03"	104° 53' 27"					C-48-54-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phát Đạt	DC	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 33' 40"	104° 51' 28"					C-48-54-D-c
Đường tỉnh 964	KX	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 54' 04"	105° 02' 40"	9° 31' 32"	104° 50' 50"	C-48-54-D-c
Hạt kiểm lâm Huyện An Minh	KX	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh	9° 31' 25"	104° 52' 31"					C-48-54-D-d
kênh 327	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 13"	104° 53' 52"	9° 33' 01"	104° 51' 15"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
kênh Chống Mỹ	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 47' 30"	104° 56' 39"	9° 31' 31"	104° 50' 51"	C-48-54-D-c
kênh Chống Mỹ Cũ	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 38"	104° 51' 09"	9° 34' 05"	104° 51' 34"	C-48-54-D-c
kênh Đê Quốc Phòng	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 31' 59"	104° 50' 07"	9° 49' 58"	104° 54' 57"	C-48-54-D-c
kênh Ngọn Kim Quy	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 33' 40"	104° 54' 37"	9° 34' 05"	104° 51' 27"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
kênh Xáng 1	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 29' 56"	104° 52' 39"	9° 33' 46"	104° 54' 53"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b
kênh Xáng 2	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 11"	104° 53' 04"	9° 36' 03"	104° 55' 01"	C-48-54-D-d
kênh Xáng 3	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 40"	104° 52' 19"	9° 35' 33"	104° 53' 44"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
rạch Cái Kim Quy	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 34' 03"	104° 51' 26"	9° 34' 11"	104° 50' 28"	C-48-54-D-c
rạch Cây Gõ	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 19"	104° 52' 15"	9° 32' 48"	104° 50' 11"	C-48-54-D-d; C-48-54-D-c
rạch Đìa Lá	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 33' 53"	104° 52' 26"	9° 32' 40"	104° 52' 19"	C-48-54-D-c
Rạch Nẫy	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 33' 38"	104° 50' 30"	9° 33' 24"	104° 51' 13"	C-48-54-D-c
Rạch Sên	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 33' 33"	104° 51' 16"	9° 34' 04"	104° 50' 46"	C-48-54-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Xẻo Đước	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 36"	104° 52' 39"	9° 32' 29"	104° 54' 13"	C-48-54-D-d
sông Cái Tàu	TV	xã Vân Khánh Tây	H. An Minh			9° 32' 00"	104° 50' 08"	9° 29' 42"	104° 52' 46"	C-48-54-D-d; C-48-66-B-b; C-48-54-D-c
khu phố Minh An	DC	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 54' 12"	105° 09' 28"					C-48-55-A-b
khu phố Minh Lạc	DC	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 55' 22"	105° 09' 02"					C-48-55-A-b
khu phố Minh Long	DC	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 53' 40"	105° 09' 49"					C-48-55-A-b
khu phố Minh Phú	DC	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 54' 53"	105° 09' 00"					C-48-55-A-b
khu phố Minh Thành	DC	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 54' 07"	105° 09' 49"					C-48-55-A-b
Quốc lộ 61	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-b
Quốc lộ 63	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-A-b
cầu Kopơ He	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 53' 04"	105° 10' 16"					C-48-55-A-b
chùa Cù Là Cũ	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 55' 14"	105° 08' 53"					C-48-55-A-b
chùa Khlang Mương	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 54' 00"	105° 09' 50"					C-48-55-A-b
Địa điểm lịch sử Tháp Cù Là	KX	TT. Minh Lương	H. Châu Thành	9° 55' 06"	105° 08' 48"					C-48-55-A-b
kênh Ba Sa	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 55' 30"	105° 12' 18"	9° 55' 02"	105° 11' 03"	C-48-55-A-b
kênh Cà Đao	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 35"	105° 08' 23"	9° 54' 23"	105° 09' 20"	C-48-55-A-b
kênh Cống Số 2	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 05"	105° 08' 55"	9° 52' 10"	105° 09' 33"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
kênh KH1	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			10° 00' 02"	105° 13' 32"	9° 54' 31"	105° 09' 30"	C-48-55-A-b
kênh Minh Lương	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 55' 19"	105° 08' 54"	9° 53' 08"	105° 10' 16"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Nước Mặn Cũ	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 57' 08"	105° 09' 16"	9° 55' 05"	105° 13' 22"	C-48-55-A-b
Kênh Ranh	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 55' 52"	105° 10' 05"	9° 54' 51"	105° 10' 33"	C-48-55-A-b
kênh TàKiệp CaĐam	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 56' 15"	105° 11' 37"	9° 53' 11"	105° 10' 14"	C-48-55-A-b
rạch Cà Lang	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 31"	105° 09' 30"	9° 52' 57"	105° 07' 15"	C-48-55-A-b
Rạch Cùng	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 26"	105° 10' 45"	9° 53' 49"	105° 10' 00"	C-48-55-A-b
rạch Kopơ He	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 09"	105° 11' 15"	9° 52' 15"	105° 10' 35"	C-48-55-A-b
rạch Tà Tưng	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 54' 51"	105° 10' 33"	9° 54' 06"	105° 09' 48"	C-48-55-A-b
rạch Tầm Lung	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 55' 15"	105° 11' 38"	9° 54' 09"	105° 11' 15"	C-48-55-A-b
sông Cù Là	TV	TT. Minh Lương	H. Châu Thành			9° 56' 09"	105° 09' 42"	9° 55' 19"	105° 08' 55"	C-48-55-A-b
ấp An Bình	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 32"	105° 07' 38"					C-48-55-A-b
ấp An Lạc	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 22"	105° 09' 57"					C-48-55-A-d
ấp An Ninh	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 25"	105° 07' 50"					C-48-55-A-d
ấp An Phước	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 53' 14"	105° 08' 27"					C-48-55-A-b
ấp An Thành	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 50' 28"	105° 07' 53"					C-48-55-A-d
ấp An Thới	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 09"	105° 09' 11"					C-48-55-A-d
ấp Gò Đất	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 37"	105° 10' 23"					C-48-55-A-d
ấp Minh Phong	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 53' 35"	105° 08' 21"					C-48-55-A-b
ấp Xà Xiêm	DC	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 09"	105° 08' 43"					C-48-55-A-b
Quốc lộ 63	KX	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 54' 12"	105° 09' 32"	9° 26' 44"	105° 11' 18"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
cảng Tắc Cậu	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 48"	105° 07' 16"					C-48-55-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Cái Bé	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 45"	105° 07' 45"					C-48-55-A-c
cầu Cái Lớn	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 21"	105° 07' 05"					C-48-55-A-c
cầu Xà Xiêm	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 12"	105° 08' 22"					C-48-55-A-b
chợ An Lạc	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 01"	105° 09' 46"					C-48-55-A-d
chùa Minh Long Cổ Tự	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 48"	105° 10' 21"					C-48-55-A-b
chùa Xà Xiêm Cũ	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 13"	105° 09' 29"					C-48-55-A-d
chùa Xà Xiêm Mới	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 32"	105° 08' 56"					C-48-55-A-b
đình Phan Đình Phùng	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 51' 58"	105° 10' 04"					C-48-55-A-d
miếu Ông Bổn	KX	xã Bình An	H. Châu Thành	9° 52' 00"	105° 07' 02"					C-48-55-A-c
Kênh 4	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 49' 49"	105° 10' 02"	9° 49' 51"	105° 08' 14"	C-48-55-A-d
kênh Cống Số 2	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 54' 05"	105° 08' 55"	9° 52' 10"	105° 09' 33"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
kênh Hầu Dầu	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 49' 50"	105° 08' 53"	9° 50' 12"	105° 08' 04"	C-48-55-A-d
kênh Lô 7	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 51' 01"	105° 09' 47"	9° 50' 44"	105° 09' 13"	C-48-55-A-d
kênh Lô Tư	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 50' 44"	105° 09' 13"	9° 50' 46"	105° 08' 20"	C-48-55-A-d
Kênh Mới	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 50' 44"	105° 09' 13"	9° 49' 50"	105° 09' 17"	C-48-55-A-d
kênh Ông Kiểm	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 50' 22"	105° 09' 58"	9° 49' 49"	105° 10' 02"	C-48-55-A-d
rạch Xà Xiêm	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 51' 59"	105° 10' 21"	9° 52' 10"	105° 09' 33"	C-48-55-A-d
rạch Cà Lang	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 54' 31"	105° 09' 30"	9° 52' 57"	105° 07' 15"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
rạch Cù Lao	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 51' 49"	105° 10' 20"	9° 52' 03"	105° 10' 08"	C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Kopơ He	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 54' 09"	105° 11' 15"	9° 52' 15"	105° 10' 35"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
rạch Lồng Tắc	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 52' 22"	105° 07' 20"	9° 51' 59"	105° 06' 53"	C-48-55-A-c
rạch Sóc Tràm	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 52' 10"	105° 09' 33"	9° 52' 12"	105° 07' 34"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
rạch Vàm Cây Thị	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 52' 15"	105° 10' 35"	9° 51' 38"	105° 10' 18"	C-48-55-A-d
sông Cái Bé	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d; C-48-55-A-a
sông Cái Lớn	TV	xã Bình An	H. Châu Thành			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-d
ấp Minh Tân	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 56' 03"	105° 10' 25"					C-48-55-A-b
ấp Tân Bình	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 56' 39"	105° 09' 36"					C-48-55-A-b
ấp Tân Điền	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 28"	105° 08' 57"					C-48-55-A-b
ấp Tân Hưng	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 11"	105° 11' 38"					C-48-55-A-b
ấp Tân Lợi	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 57"	105° 11' 53"					C-48-55-A-b
ấp Tân Phước	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 39"	105° 09' 44"					C-48-55-A-b
ấp Tân Thành	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 56' 17"	105° 11' 29"					C-48-55-A-b
ấp Tân Tiến	DC	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 56' 54"	105° 10' 02"					C-48-55-A-b
cầu Nước Mặn Mới	KX	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 08"	105° 09' 19"					C-48-55-A-b
Chùa Chụng	KX	xã Giục Tượng	H. Châu Thành	9° 57' 13"	105° 11' 50"					C-48-55-A-b
Kênh 8 Thước	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 52"	105° 09' 27"	9° 57' 12"	105° 08' 45"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 9 Thước	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 34"	105° 09' 23"	9° 57' 50"	105° 08' 35"	C-48-55-A-b
Kênh 10 Thước	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 59' 50"	105° 11' 35"	9° 57' 12"	105° 12' 57"	C-48-55-A-b
Kênh 15	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 17"	105° 11' 54"	9° 56' 12"	105° 14' 24"	C-48-55-A-b
Kênh 17	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 59' 09"	105° 12' 42"	9° 57' 10"	105° 14' 45"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Ba Sa	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 55' 30"	105° 12' 18"	9° 55' 02"	105° 11' 03"	C-48-55-A-b
kênh Bầu Thì	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 58"	105° 08' 59"	9° 57' 08"	105° 10' 51"	C-48-55-A-b
kênh Cầu Móng	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 50"	105° 10' 27"	9° 57' 29"	105° 11' 10"	C-48-55-A-b
kênh Đập Đá Cũ	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 59' 23"	105° 12' 56"	9° 58' 09"	105° 12' 33"	C-48-55-A-b
kênh KH1	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			10° 00' 02"	105° 13' 32"	9° 54' 31"	105° 09' 30"	C-48-55-A-b
Kênh Ngang	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 31"	105° 13' 44"	9° 57' 29"	105° 12' 57"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 55' 16"	105° 14' 14"	9° 57' 48"	105° 07' 50"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn Cũ	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 08"	105° 09' 16"	9° 55' 05"	105° 13' 22"	C-48-55-A-b
Kênh Ranh	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 55' 52"	105° 10' 05"	9° 54' 51"	105° 10' 33"	C-48-55-A-b
kênh Tà Sôm	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 19"	105° 12' 05"	9° 56' 49"	105° 10' 12"	C-48-55-A-b
kênh TàKiêp CaĐam	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 56' 15"	105° 11' 37"	9° 53' 11"	105° 10' 14"	C-48-55-A-b
kênh Tám Đô	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 56' 34"	105° 07' 42"	9° 57' 07"	105° 08' 47"	C-48-55-A-b
kênh Tiếp Nước	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 56' 11"	105° 09' 41"	9° 55' 59"	105° 08' 25"	C-48-55-A-b
ngọn Sóc Giữa	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 49"	105° 12' 42"	9° 57' 19"	105° 12' 05"	C-48-55-A-b
rạch Bon Sa	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 09"	105° 12' 33"	9° 57' 53"	105° 10' 35"	C-48-55-A-b
rạch Chồi Mồi	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 56' 13"	105° 11' 35"	9° 55' 56"	105° 11' 15"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Kha Na Thum	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 24"	105° 12' 57"	9° 56' 01"	105° 12' 18"	C-48-55-A-b
rạch Láng Tượng	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 59' 23"	105° 12' 29"	9° 57' 10"	105° 09' 12"	C-48-55-A-b
rạch Sóc Giữa	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 57' 49"	105° 11' 28"	9° 57' 16"	105° 11' 45"	C-48-55-A-b
rạch Tà Nôm	TV	xã Giục Tượng	H. Châu Thành			9° 58' 22"	105° 09' 10"	9° 57' 40"	105° 09' 41"	C-48-55-A-b
ấp An Bình	DC	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 51' 53"	105° 13' 32"					C-48-55-A-d
ấp An Khương	DC	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 52"	105° 13' 29"					C-48-55-A-b
ấp Bình Hòa	DC	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 33"	105° 11' 26"					C-48-55-A-b
ấp Bình Lạc	DC	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 50' 59"	105° 10' 34"					C-48-55-A-d
ấp Bình Lợi	DC	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 00"	105° 13' 00"					C-48-55-A-d
ấp Hòa Hưng	DC	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 00"	105° 12' 16"					C-48-55-A-b
ấp Hòa Thạnh	DC	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 21"	105° 10' 58"					C-48-55-A-d
ấp Minh Hưng	DC	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 38"	105° 12' 21"					C-48-55-A-b
ấp Minh Long	DC	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 58"	105° 11' 30"					C-48-55-A-b
ấp Minh Tân	DC	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 55' 02"	105° 13' 13"					C-48-55-A-b
Quốc lộ 61	KX	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
cầu Chưng Bầu	KX	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 01"	105° 13' 03"					C-48-55-A-d
cầu Gò Đất	KX	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 31"	105° 12' 02"					C-48-55-A-b
cầu Kopơ He	KX	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 04"	105° 10' 16"					C-48-55-A-b
chùa Chắc Kha Cũ	KX	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 51' 35"	105° 12' 51"					C-48-55-A-d
chùa Gò Đất	KX	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 52' 23"	105° 11' 05"					C-48-55-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Khoen Tà Tưng	KX	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 25"	105° 12' 22"					C-48-55-A-b
thánh thất Bình Linh	KX	xã Minh Hòa	H. Châu Thành	9° 53' 06"	105° 13' 27"					C-48-55-A-b
Kênh 7 Thước	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 05"	105° 13' 14"	9° 54' 35"	105° 12' 46"	C-48-55-A-b
kênh KH3	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 54' 51"	105° 16' 59"	9° 52' 55"	105° 13' 21"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Bà Chàng	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 54' 42"	105° 12' 15"	9° 54' 06"	105° 13' 45"	C-48-55-A-b
kênh Ba Sa	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 30"	105° 12' 18"	9° 55' 02"	105° 11' 03"	C-48-55-A-b
kênh Chưng Bầu	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-d
kênh Độ Khóm	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 22"	105° 12' 06"	9° 52' 42"	105° 11' 35"	C-48-55-A-b
kênh Đường Trâu	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 39"	105° 13' 54"	9° 51' 48"	105° 13' 31"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
kênh Huyện Đội	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 43"	105° 13' 07"	9° 52' 33"	105° 12' 04"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
kênh Minh Tân Nước Mặn	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 29"	105° 13' 03"	9° 55' 05"	105° 13' 22"	C-48-55-A-b
kênh Út Chót	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 26"	105° 12' 08"	9° 52' 36"	105° 11' 35"	C-48-55-A-b
kênh Vịnh Chanh	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 04"	105° 10' 28"	9° 51' 14"	105° 10' 41"	C-48-55-A-d
kênh Xóm 2	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 53' 25"	105° 12' 23"	9° 53' 39"	105° 10' 50"	C-48-55-A-b
rạch Chắc Kha	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 16"	105° 14' 43"	9° 51' 34"	105° 12' 53"	C-48-55-A-d
rạch Đường Trâu	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 53' 08"	105° 11' 10"	9° 53' 19"	105° 10' 44"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Gò Đất	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 27"	105° 11' 51"	9° 52' 15"	105° 10' 35"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
rạch Họa Đồ	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 50' 56"	105° 11' 40"	9° 51' 21"	105° 11' 07"	C-48-55-A-d
rạch Khoen Xây	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 51' 50"	105° 11' 19"	9° 52' 27"	105° 11' 49"	C-48-55-A-d
rạch Kopơ He	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 54' 09"	105° 11' 15"	9° 52' 15"	105° 10' 35"	C-48-55-A-b
rạch Lô Bích	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 05"	105° 13' 22"	9° 54' 56"	105° 14' 03"	C-48-55-A-b
rạch Ông Đến	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 05"	105° 13' 22"	9° 53' 43"	105° 13' 19"	C-48-55-A-b
rạch Tà Bôn	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 23"	105° 10' 58"	9° 51' 14"	105° 10' 58"	C-48-55-A-d
rạch TàKiệp CaĐam	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 54' 09"	105° 11' 15"	9° 53' 08"	105° 10' 16"	C-48-55-A-b
rạch Tầm Lung	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 55' 15"	105° 11' 38"	9° 54' 09"	105° 11' 15"	C-48-55-A-b
rạch Vàm Cây Thị	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 15"	105° 10' 35"	9° 51' 38"	105° 10' 18"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
rạch Xẽo Lợp	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 52' 50"	105° 11' 04"	9° 52' 15"	105° 10' 40"	C-48-55-A-d; C-48-55-A-b
sông Cái Bé	TV	xã Minh Hòa	H. Châu Thành			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-d
ấp Hòa An	DC	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 29"	105° 11' 32"					C-48-43-C-d
ấp Hòa Bình	DC	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 02' 35"	105° 12' 37"					C-48-43-C-d
ấp Hòa Phú	DC	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 57"	105° 11' 59"					C-48-43-C-d
ấp Hòa Thọ	DC	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 10"	105° 11' 13"					C-48-43-C-d
ấp Hòa Tiến	DC	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 02' 34"	105° 12' 59"					C-48-43-C-d
Quốc lộ 80	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Cầu Bản	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 47"	105° 11' 46"					C-48-43-C-d
cầu Số 2	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 02' 18"	105° 12' 16"					C-48-43-C-d
cầu Số 3 Nhỏ	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 02' 47"	105° 12' 44"					C-48-43-C-d
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 25"	105° 11' 30"					C-48-43-C-d
thánh thất Cao Đài	KX	xã Mong Thọ	H. Châu Thành	10° 01' 22"	105° 11' 26"					C-48-43-C-d
Kênh 17	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 01' 03"	105° 11' 02"	9° 59' 09"	105° 12' 42"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
Kênh 18	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 01' 19"	105° 11' 18"	9° 59' 32"	105° 13' 04"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
Kênh 19	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 01' 48"	105° 11' 45"	10° 00' 35"	105° 12' 59"	C-48-43-C-d
kênh KH1	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 00' 02"	105° 13' 32"	9° 54' 31"	105° 09' 30"	C-48-55-A-b
kênh Cái Sắn	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-b
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 02' 38"	105° 13' 21"	10° 01' 56"	105° 12' 39"	C-48-43-C-d
kênh Huyện Kiển	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 02' 43"	105° 13' 26"	9° 59' 56"	105° 12' 40"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Số 2	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 02' 19"	105° 12' 15"	10° 00' 34"	105° 14' 01"	C-48-43-C-d
kênh Số 3	TV	xã Mong Thọ	H. Châu Thành			10° 02' 12"	105° 13' 21"	10° 02' 48"	105° 12' 43"	C-48-43-C-d
ấp Hòa Bình	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 02' 45"	105° 12' 03"					C-48-43-C-d
ấp Hòa Ninh	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 01' 44"	105° 10' 19"					C-48-43-C-d
ấp Hòa Thuận 1	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 01' 50"	105° 11' 09"					C-48-43-C-d
ấp Hòa Thuận 2	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 02' 13"	105° 10' 56"					C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thạnh An	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 04' 09"	105° 10' 26"					C-48-43-C-d
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 03' 05"	105° 09' 31"					C-48-43-C-d
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 03' 31"	105° 09' 53"					C-48-43-C-d
chùa Bửu Thọ	KX	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành	10° 01' 39"	105° 11' 34"					C-48-43-C-d
Kênh 1	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 35"	105° 09' 08"	10° 03' 15"	105° 08' 50"	C-48-43-C-d
Kênh 2	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 42"	105° 09' 14"	10° 03' 20"	105° 08' 54"	C-48-43-C-d
Kênh 3	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 47"	105° 09' 18"	10° 03' 24"	105° 08' 58"	C-48-43-C-d
Kênh 4	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 51"	105° 09' 22"	10° 03' 28"	105° 09' 01"	C-48-43-C-d
Kênh 4	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 03' 04"	105° 09' 33"	10° 00' 46"	105° 10' 46"	C-48-43-C-d
Kênh 5	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 57"	105° 09' 27"	10° 03' 34"	105° 09' 06"	C-48-43-C-d
Kênh 5	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 03' 32"	105° 08' 36"	10° 00' 04"	105° 10' 05"	C-48-43-C-d
kênh 5A	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 04' 00"	105° 10' 20"	10° 02' 29"	105° 12' 24"	C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 03' 04"	105° 09' 33"	10° 03' 42"	105° 09' 14"	C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 04' 21"	105° 07' 41"	10° 03' 29"	105° 09' 54"	C-48-43-C-d
kênh Ba Chùa	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 03' 56"	105° 10' 17"	10° 01' 28"	105° 11' 26"	C-48-43-C-d
kênh Ba Chùa Cũ	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 03' 29"	105° 09' 54"	10° 03' 19"	105° 10' 28"	C-48-43-C-d
kênh Cái Sắn	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-b
kênh Đòn Dông	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-d
kênh Nhà Nguyện	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 04' 28"	105° 09' 51"	10° 04' 04"	105° 10' 24"	C-48-43-C-d
Kênh Ranh	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 32"	105° 08' 14"	10° 04' 10"	105° 09' 32"	C-48-43-C-d
kênh Thầy Thông	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 04' 28"	105° 09' 51"	10° 06' 41"	105° 06' 21"	C-48-43-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xếp Mậu	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 02' 05"	105° 12' 01"	10° 03' 19"	105° 10' 28"	C-48-43-C-d
lung Ô Kê	TV	xã Mong Thọ A	H. Châu Thành			10° 05' 09"	105° 08' 51"	10° 04' 56"	105° 09' 48"	C-48-43-C-d
ấp Phước Chung	DC	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 59' 48"	105° 10' 56"					C-48-55-A-b
ấp Phước Hòa	DC	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 58' 40"	105° 08' 46"					C-48-55-A-b
ấp Phước Lợi	DC	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 59' 18"	105° 09' 25"					C-48-55-A-b
ấp Phước Ninh	DC	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	10° 00' 48"	105° 10' 52"					C-48-43-C-d
ấp Phước Tân	DC	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 59' 09"	105° 12' 00"					C-48-55-A-b
Quốc lộ 80	KX	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			10° 08' 24"	105° 18' 18"	10° 25' 38"	104° 27' 05"	C-48-55-A-b; C-48-55-C-d
cầu Chung Sư	KX	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 59' 48"	105° 09' 52"					C-48-55-A-b
Cầu Quằng	KX	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 57' 52"	105° 08' 01"					C-48-55-A-b
chùa Kro Săn	KX	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành	9° 59' 20"	105° 09' 25"					C-48-55-A-b
kênh KH1	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			10° 00' 02"	105° 13' 32"	9° 54' 31"	105° 09' 30"	C-48-55-A-b
kênh 9 Thước	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 58' 34"	105° 09' 23"	9° 57' 50"	105° 08' 35"	C-48-55-A-b
Kênh 10 Thước	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 59' 50"	105° 11' 35"	9° 57' 12"	105° 12' 57"	C-48-55-A-b
kênh 17	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			10° 01' 03"	105° 11' 02"	9° 59' 09"	105° 12' 42"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Bầu Thì	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 58' 58"	105° 08' 59"	9° 57' 08"	105° 10' 51"	C-48-55-A-b
kênh Bầu Thì Cũ	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 58' 57"	105° 09' 01"	9° 58' 41"	105° 09' 30"	C-48-55-A-b
kênh Cái Sắn	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-55-A-b
kênh Chung Sư	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 59' 50"	105° 09' 50"	9° 59' 50"	105° 11' 34"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Công Trường	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 59' 46"	105° 10' 00"	9° 58' 50"	105° 10' 27"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 53' 06"	105° 18' 47"	9° 57' 48"	105° 07' 50"	C-48-55-A-b
kênh Sau Làng	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			10° 02' 18"	105° 12' 16"	9° 57' 52"	105° 08' 01"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
rạch Bon Sa	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 58' 09"	105° 12' 33"	9° 57' 53"	105° 10' 35"	C-48-55-A-b
rạch Láng Tượng	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 59' 23"	105° 12' 29"	9° 57' 10"	105° 09' 12"	C-48-55-A-b
rạch Tà Nôm	TV	xã Mong Thọ B	H. Châu Thành			9° 58' 22"	105° 09' 10"	9° 57' 40"	105° 09' 41"	C-48-55-A-b
ấp Hòa Lộc	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	9° 58' 45"	105° 08' 43"					C-48-55-A-b
ấp Hòa Lợi	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 00' 10"	105° 09' 18"					C-48-43-C-d
ấp Hòa Phước	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	9° 58' 03"	105° 08' 02"					C-48-55-A-b
ấp Thạnh Bình	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 00' 36"	105° 07' 03"					C-48-43-C-c
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 02' 00"	105° 08' 42"					C-48-43-C-d
ấp Thạnh Hưng	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 01' 34"	105° 08' 19"					C-48-43-C-d
ấp Thạnh Yên	DC	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 00' 02"	105° 07' 31"					C-48-43-C-d
chùa Tà Bết	KX	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành	10° 00' 10"	105° 06' 54"					C-48-43-C-c
Kênh 5	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 03' 32"	105° 08' 36"	10° 00' 04"	105° 10' 05"	C-48-43-C-d
kênh 5 Cùng	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 02' 48"	105° 08' 20"	10° 02' 27"	105° 09' 01"	C-48-43-C-d
Kênh 6	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 03' 00"	105° 07' 56"	9° 59' 31"	105° 09' 32"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
Kênh 7	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 01' 02"	105° 07' 47"	9° 59' 04"	105° 09' 05"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh 7 Cây Sao	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 02' 27"	105° 06' 46"	10° 01' 19"	105° 08' 02"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Ba Sạ	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 44"	105° 08' 06"	10° 01' 21"	105° 08' 50"	C-48-43-C-d
kênh Bác Hồ	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 02"	105° 07' 00"	9° 59' 35"	105° 07' 09"	C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
kênh Cái Sắn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 08' 26"	105° 18' 19"	9° 57' 04"	105° 06' 25"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Dãy Ốc	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 01' 40"	105° 06' 13"	10° 00' 22"	105° 06' 52"	C-48-43-C-c
kênh Đòn Dông	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 10' 15"	105° 15' 45"	9° 59' 06"	105° 06' 18"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c; C-48-55-A-a
kênh Đường Trâu Lớn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 35"	105° 09' 07"	10° 00' 15"	105° 08' 14"	C-48-43-C-d
kênh Đường Trâu Nhỏ	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 16"	105° 08' 47"	9° 59' 57"	105° 09' 22"	C-48-43-C-d; C-48-55-A-b
kênh Ông Hiển	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 41"	105° 05' 13"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-55-A-b
Kênh Ranh	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 02' 32"	105° 08' 14"	10° 04' 10"	105° 09' 32"	C-48-43-C-d
kênh Ranh Rạch Giá	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 05"	105° 06' 16"	10° 00' 41"	105° 06' 42"	C-48-43-C-c
kênh Tà Ben	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 15"	105° 08' 14"	10° 00' 03"	105° 06' 55"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
kênh Vành Đai	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 01' 08"	105° 05' 28"	9° 58' 21"	105° 08' 22"	C-48-55-A-b
lung Khoen Cà Na	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 02' 15"	105° 08' 14"	10° 01' 35"	105° 07' 52"	C-48-43-C-d
rạch San Nạn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			9° 58' 42"	105° 08' 43"	9° 59' 36"	105° 08' 42"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Tà Kiết	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			9° 58' 50"	105° 08' 17"	9° 58' 36"	105° 08' 05"	C-48-55-A-b
rạch Tà Kiết	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 00' 17"	105° 08' 09"	9° 58' 34"	105° 08' 35"	C-48-55-A-b
rạch Tầm Lôn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Châu Thành			10° 01' 35"	105° 07' 52"	10° 00' 06"	105° 06' 57"	C-48-43-C-d; C-48-43-C-c
ấp Hòa Thuận	DC	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 24"	105° 08' 34"					C-48-55-A-b
ấp Sua Đũa	DC	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành	9° 56' 36"	105° 08' 00"					C-48-55-A-b
ấp Vĩnh Thành	DC	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành	9° 56' 02"	105° 06' 52"					C-48-55-A-c
ấp Vĩnh Thành A	DC	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 47"	105° 07' 47"					C-48-55-A-b
ấp Vĩnh Thành B	DC	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 45"	105° 07' 03"					C-48-55-A-a
Quốc lộ 61	KX	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 44' 38"	105° 23' 28"	9° 57' 23"	105° 07' 09"	C-48-55-A-b
cầu Tà Niên	KX	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 49"	105° 08' 13"					C-48-55-A-b
chùa Ông Địa	KX	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 45"	105° 09' 19"					C-48-55-A-b
chùa Ông Te	KX	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành	9° 56' 11"	105° 06' 49"					C-48-55-A-a
chùa Vĩnh Phước	KX	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành	9° 55' 42"	105° 07' 04"					C-48-55-A-a
kênh Đập Đá	TV	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 55' 29"	105° 06' 59"	9° 55' 19"	105° 06' 18"	C-48-55-A-a
kênh Nông Thôn	TV	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 57' 15"	105° 07' 31"	9° 56' 00"	105° 08' 27"	C-48-55-A-b
kênh Ông Hiển	TV	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 56' 23"	105° 06' 50"	9° 54' 26"	105° 06' 42"	C-48-55-A-a
kênh Tám Đô	TV	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 56' 34"	105° 07' 42"	9° 57' 07"	105° 08' 47"	C-48-55-A-b
kênh Tiếp Nước	TV	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 56' 11"	105° 09' 41"	9° 55' 59"	105° 08' 25"	C-48-55-A-b
rạch Sua Đũa	TV	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 55' 59"	105° 08' 25"	9° 55' 19"	105° 08' 55"	C-48-55-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Tà Niên	TV	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 55' 59"	105° 08' 25"	9° 55' 29"	105° 06' 59"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
rạch Xẻo Nhỏ	TV	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 55' 40"	105° 07' 44"	9° 54' 42"	105° 08' 03"	C-48-55-A-b
sông Cái Bé	TV	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-a
sông Cù Là	TV	xã Vĩnh Hòa Hiệp	H. Châu Thành			9° 56' 09"	105° 09' 42"	9° 55' 19"	105° 08' 55"	C-48-55-A-b
ấp Vĩnh Đằng	DC	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 54' 26"	105° 08' 23"					C-48-55-A-b
ấp Vĩnh Hòa 1	DC	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 55' 03"	105° 06' 56"					C-48-55-A-a
ấp Vĩnh Hòa 2	DC	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 53' 01"	105° 07' 18"					C-48-55-A-a
ấp Vĩnh Hội	DC	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 55' 23"	105° 06' 38"					C-48-55-A-a
ấp Vĩnh Phú	DC	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 53' 12"	105° 07' 05"					C-48-55-A-a
ấp Vĩnh Quới	DC	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 54' 46"	105° 06' 22"					C-48-55-A-a
chùa Phước Liên	KX	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 52' 58"	105° 07' 16"					C-48-55-A-a
miếu Bà Chúa Sứ	KX	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 55' 51"	105° 05' 57"					C-48-55-A-a
miếu Cây Dương	KX	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 55' 18"	105° 06' 20"					C-48-55-A-a
miếu Quan Âm	KX	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 52' 08"	105° 07' 01"					C-48-55-A-c
thánh thất Hưng Chánh Đàn	KX	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành	9° 55' 24"	105° 06' 56"					C-48-55-A-a
kênh Cà Đao	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 54' 35"	105° 08' 23"	9° 54' 23"	105° 09' 20"	C-48-55-A-b
kênh Đập Đá	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 55' 29"	105° 06' 59"	9° 55' 19"	105° 06' 18"	C-48-55-A-a
kênh Khe Luông	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 55' 11"	105° 06' 16"	9° 54' 56"	105° 05' 49"	C-48-55-A-a
kênh Ông Hiển	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 56' 23"	105° 06' 50"	9° 54' 26"	105° 06' 42"	C-48-55-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Xóm Việt	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 54' 18"	105° 07' 06"	9° 54' 35"	105° 08' 23"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
rạch Cà Lang	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 54' 31"	105° 09' 30"	9° 52' 57"	105° 07' 15"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-b
rạch Lồng Tắc	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 52' 22"	105° 07' 20"	9° 51' 59"	105° 06' 53"	C-48-55-A-c
rạch Tà Niên	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 55' 59"	105° 08' 25"	9° 55' 29"	105° 06' 59"	C-48-55-A-a
rạch Xẻo Nhỏ	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 55' 40"	105° 07' 44"	9° 54' 42"	105° 08' 03"	C-48-55-A-b
sông Cái Bé	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-A-c; C-48-55-A-a
sông Cái Lớn	TV	xã Vĩnh Hòa Phú	H. Châu Thành			9° 49' 00"	105° 23' 09"	9° 55' 42"	105° 05' 25"	C-48-55-A-a; C-48-55-A-c
ấp Cả Ngay	DC	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 27' 55"	104° 34' 37"					C-48-42-A-a
ấp Cỏ Quen	DC	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 27' 58"	104° 36' 00"					C-48-42-A-a
ấp Giồng Kè	DC	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 28' 42"	104° 35' 15"					C-48-42-A-a
ấp Rạch Gỗ	DC	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 29' 29"	104° 34' 17"					C-48-42-A-a
ấp Tà Teng	DC	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 27' 09"	104° 37' 35"					C-48-42-A-b
Quốc lộ N1	KX	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-42-A-a
chùa Tà Teng	KX	xã Phú Lợi	H. Giang Thành	10° 26' 19"	104° 37' 57"					C-48-42-A-b
kênh Chùa Tà Teng	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 26' 16"	104° 36' 53"	10° 26' 13"	104° 38' 16"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh Hà Giang	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 31' 47"	104° 38' 40"	10° 22' 10"	104° 31' 12"	C-48-42-A-a
kênh Hà Giang Cũ	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 31' 40"	104° 36' 51"	10° 28' 20"	104° 34' 54"	C-48-42-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh HN0	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 30' 41"	104° 37' 30"	10° 28' 43"	104° 35' 23"	C-48-30-C-c; C-48-42-A-a
kênh HN1	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 30' 30"	104° 38' 51"	10° 26' 48"	104° 34' 52"	C-48-42-A-a
kênh HN2	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 30' 24"	104° 39' 38"	10° 26' 37"	104° 35' 34"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN3	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 30' 19"	104° 40' 25"	10° 26' 26"	104° 36' 14"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN4	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 28' 26"	104° 39' 04"	10° 26' 18"	104° 36' 45"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN5	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 28' 13"	104° 39' 27"	10° 26' 18"	104° 37' 59"	C-48-42-A-b
kênh HT5	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 28' 03"	104° 39' 45"	10° 28' 49"	104° 36' 01"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh Nông Trường	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-b
kênh NT1	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 29' 05"	104° 40' 53"	10° 25' 31"	104° 38' 25"	C-48-42-A-b
kênh Trà Phô	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 26' 55"	104° 34' 25"	10° 25' 15"	104° 38' 58"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
rạch Cái Đôi (rạch Cái Đôi Lán)	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 29' 59"	104° 35' 16"	10° 30' 06"	104° 36' 33"	C-48-42-A-a
Rạch Gỗ	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 28' 42"	104° 34' 37"	10° 29' 38"	104° 34' 36"	C-48-42-A-a
rạch Trà Phọt	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 27' 08"	104° 34' 10"	10° 23' 37"	104° 36' 35"	C-48-42-A-a
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	xã Phú Lợi	H. Giang Thành			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-30-C-c; C-48-42-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Kinh Mới	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 26' 37"	104° 35' 30"					C-48-42-A-a
ấp Rạch Dứa	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 23' 35"	104° 32' 05"					C-48-42-A-a
ấp Thuận Án	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 21' 57"	104° 34' 45"					C-48-42-A-a
ấp Trà Phô	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 26' 39"	104° 33' 55"					C-48-42-A-a
ấp Trà Phọt (ấp Cà Pho)	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 26' 22"	104° 34' 15"					C-48-42-A-a
ấp Trần Thệ	DC	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 25' 44"	104° 37' 51"					C-48-42-A-a
Quốc lộ N1	KX	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
cầu Trà Phô	KX	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành	10° 26' 54"	104° 34' 02"					C-48-42-A-a
Kênh 9	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 18' 50"	104° 45' 04"	10° 24' 06"	104° 37' 16"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh Hà Giang	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 31' 47"	104° 38' 40"	10° 22' 10"	104° 31' 12"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh HT6	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 26' 08"	104° 33' 34"	10° 25' 23"	104° 37' 43"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh K3	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 21' 19"	104° 32' 29"	10° 22' 35"	104° 32' 35"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b; C-48-42-A-c
kênh Rạch Đồng Hòa (rạch Sậy)	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 20' 58"	104° 33' 01"	10° 23' 51"	104° 34' 15"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Rạch Vược	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 21' 48"	104° 30' 21"	10° 22' 22"	104° 34' 22"	C-48-42-A-c; C-48-42-A-a
kênh Trà Phô	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 26' 55"	104° 34' 25"	10° 25' 15"	104° 38' 58"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
rạch Trà Phọt	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 27' 08"	104° 34' 10"	10° 23' 37"	104° 36' 35"	C-48-42-A-a
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	xã Phú Mỹ	H. Giang Thành			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-42-A-a
ấp Hòa Khánh	DC	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành	10° 31' 56"	104° 35' 50"					C-48-30-C-c
ấp Khánh Hòa	DC	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành	10° 31' 21"	104° 38' 17"					C-48-30-C-d
ấp Khánh Tân	DC	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành	10° 29' 32"	104° 38' 45"					C-48-42-A-b
ấp Tân Khánh	DC	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành	10° 29' 37	104° 37' 55"					C-48-42-A-a
ấp Tân Thạnh (Phum Tà Mên)	DC	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành	10° 31' 08"	104° 36' 33"					C-48-30-C-c
ấp Tân Tiến	DC	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành	10° 29' 58"	104° 36' 46"					C-48-30-C-c
ấp Tiên Khánh	DC	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành	10° 26' 48"	104° 38' 41"					C-48-42-A-b
Quốc lộ N1	KX	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-30-C-c; C-48-30-C-d; C-48-42-A-a
Kênh 750	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 31' 23"	104° 36' 41"	10° 29' 50"	104° 46' 45"	C-48-30-C-c; C-48-30-C-d
kênh Đường Tượng	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 30' 55"	104° 35' 14"	10° 30' 09"	104° 36' 56"	C-48-30-C-c
kênh Hà Giang	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 31' 47"	104° 38' 40"	10° 22' 10"	104° 31' 12"	C-48-30-C-c; C-48-30-C-d; C-48-42-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Hà Giang Cũ	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 31' 40"	104° 36' 51"	10° 28' 20"	104° 34' 54"	C-48-30-C-c; C-48-42-A-a
kênh HN0	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 30' 41"	104° 37' 30"	10° 28' 43"	104° 35' 23"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN1	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 30' 30"	104° 38' 51"	10° 26' 48"	104° 34' 52"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN2	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 30' 24"	104° 39' 38"	10° 26' 37"	104° 35' 34"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN3	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 30' 19"	104° 40' 25"	10° 26' 26"	104° 36' 14"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN4	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 28' 26"	104° 39' 04"	10° 26' 18"	104° 36' 45"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh HN5	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 28' 13"	104° 39' 27"	10° 26' 18"	104° 37' 59"	C-48-42-A-b
kênh HT1	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 31' 01"	104° 37' 52"	10° 29' 39"	104° 44' 53"	C-48-30-C-d
kênh HT2	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 30' 39"	104° 37' 32"	10° 29' 10"	104° 44' 38"	C-48-30-C-d
kênh HT5	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 28' 03"	104° 39' 45"	10° 28' 49"	104° 36' 01"	C-48-42-A-a; C-48-42-A-b
kênh Nông Trường	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-b
kênh Vĩnh Tế	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 32' 02"	104° 35' 49"	10° 30' 26"	104° 46' 50"	C-48-30-C-c; C-48-30-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Đôi (rạch Cái Đôi Lán)	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 29' 59"	104° 35' 16"	10° 30' 06"	104° 36' 33"	C-48-30-C-c; C-48-42-A-a
rạch Dứa (Rạch Cây Dứa)	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 31' 47"	104° 38' 41"	10° 32' 27"	104° 38' 56"	C-48-30-C-d
sông Giang Thành (rạch Giang Thành)	TV	xã Tân Khánh Hòa	H. Giang Thành			10° 32' 07"	104° 35' 51"	10° 22' 39"	104° 28' 56"	C-48-30-C-c; C-48-42-A-a
ấp Cống Cả	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 31' 25"	104° 41' 57"					C-48-30-C-d
ấp Đồng Cừ	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 31' 37"	104° 40' 44"					C-48-30-C-d
ấp Nha Sáp	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 30' 59"	104° 43' 16"					C-48-30-C-d
ấp Tà Êm	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 31' 35"	104° 41' 22"					C-48-30-C-d
ấp Tràm Trổi	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 29' 13"	104° 42' 34"					C-48-42-A-b
ấp Vĩnh Lợi	DC	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 26' 51"	104° 38' 50"					C-48-42-A-b
di tích lịch sử văn hóa đình thần Nguyễn Hữu Cảnh	KX	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành	10° 31' 30"	104° 41' 55"					C-48-30-C-d
Quốc lộ N1	KX	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-30-C-d
Kênh 13	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 25' 15"	104° 38' 58"	10° 23' 52"	104° 41' 54"	C-48-42-A-a
Kênh 750	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 31' 23"	104° 36' 41"	10° 29' 50"	104° 46' 45"	C-48-30-C-d
kênh HN3	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 30' 19"	104° 40' 25"	10° 26' 26"	104° 36' 14"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-b
kênh HT1	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 31' 01"	104° 37' 52"	10° 29' 39"	104° 44' 53"	C-48-30-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh HT2	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 30' 39"	104° 37' 32"	10° 29' 10"	104° 44' 38"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-b
kênh HT3	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 28' 40"	104° 44' 23"	10° 29' 45"	104° 40' 32"	C-48-42-A-b
kênh HT4	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 29' 14"	104° 40' 22"	10° 28' 11"	104° 44' 08"	C-48-42-A-b
kênh Nông Trường	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 20' 40"	104° 33' 29"	10° 31' 39"	104° 41' 06"	C-48-42-A-b; C-48-30-C-d
kênh NT1	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 29' 05"	104° 40' 53"	10° 25' 31"	104° 38' 25"	C-48-42-A-b
kênh Vĩnh Tế	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 32' 02"	104° 35' 49"	10° 30' 26"	104° 46' 50"	C-48-30-C-d
rạch Nha Sáp	TV	xã Vĩnh Điều	H. Giang Thành			10° 31' 35"	104° 43' 56"	10° 29' 57"	104° 43' 51"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-b
ấp Đồng Cơ	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành	10° 25' 06"	104° 42' 29"					C-48-42-A-b
ấp Mẹt Lung (ấp Vĩnh Hòa)	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành	10° 30' 34"	104° 44' 33"					C-48-30-C-d
Ấp Mới	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành	10° 30' 22"	104° 46' 10"					C-48-30-D-c
ấp T4	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành	10° 25' 31"	104° 45' 49"					C-48-42-B-a
ấp T5	DC	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành	10° 23' 43"	104° 47' 53"					C-48-42-B-a
Quốc lộ N1	KX	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 30' 25"	104° 46' 51"	10° 20' 58"	104° 30' 29"	C-48-30-D-c; C-48-30-C-d
Kênh 13	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 25' 15"	104° 38' 58"	10° 23' 52"	104° 41' 54"	C-48-42-A-b
Kênh 750	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 31' 23"	104° 36' 41"	10° 29' 50"	104° 46' 45"	C-48-30-D-c; C-48-30-C-d; C-48-42-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh HT1	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 31' 01"	104° 37' 52"	10° 29' 39"	104° 44' 53"	C-48-30-C-d; C-48-42-A-b
kênh HT1	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 29' 31"	104° 44' 49"	10° 29' 18"	104° 46' 36"	C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh HT2	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 30' 39"	104° 37' 32"	10° 29' 10"	104° 44' 38"	C-48-42-A-b
kênh HT3	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 28' 40"	104° 44' 23"	10° 29' 45"	104° 40' 32"	C-48-42-A-b
kênh HT4	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 29' 14"	104° 40' 22"	10° 28' 11"	104° 44' 08"	C-48-42-A-b
kênh K1	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 25' 48"	104° 42' 55"	10° 24' 36"	104° 45' 24"	C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh K2	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 26' 44"	104° 43' 24"	10° 23' 36"	104° 47' 54"	C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh K3	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 27' 43"	104° 43' 54"	10° 24' 24"	104° 48' 23"	C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh K9	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 29' 18"	104° 46' 35"	10° 26' 06"	104° 48' 41"	C-48-42-B-a
Kênh Năng	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 29' 59"	104° 45' 19"	10° 25' 11"	104° 48' 52"	C-48-42-B-a
kênh T2	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 22' 07"	104° 47' 02"	10° 24' 46"	104° 42' 22"	C-48-42-A-b
kênh T3	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 30' 23"	104° 45' 16"	10° 17' 19"	104° 38' 31"	C-48-30-D-c; C-48-42-A-b; C-48-42-B-a
kênh T4	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 28' 28"	104° 47' 22"	10° 20' 11"	104° 43' 06"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b; C-48-42-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thời Trang	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 17' 16"	104° 40' 02"	10° 29' 20"	104° 46' 13"	C-48-42-A-d; C-48-42-A-b
kênh Vĩnh Tế	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 32' 02"	104° 35' 49"	10° 30' 26"	104° 46' 50"	C-48-30-D-c; C-48-30-C-d
kênh Võ Văn Kiệt	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 25' 30"	104° 49' 03"	10° 12' 53"	104° 42' 13"	C-48-42-B-a; C-48-42-B-c
rạch Mẹt Lung	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 30' 44"	104° 45' 09"	10° 30' 26"	104° 45' 08"	C-48-30-D-c
rạch Nha Sáp	TV	xã Vĩnh Phú	H. Giang Thành			10° 31' 35"	104° 43' 56"	10° 29' 57"	104° 43' 51"	C-48-30-C-d
Khu phố 3	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 09"	105° 18' 27"					C-48-55-B-a
Khu phố 4	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 22"	105° 19' 10"					C-48-55-B-a
Khu phố 6	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 51"	105° 18' 55"					C-48-55-B-a
Khu phố 7	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 54"	105° 18' 19"					C-48-55-B-a
Khu phố 8	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 36"	105° 18' 05"					C-48-55-B-a
khu phố Hồng Hạnh	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 53' 44"	105° 17' 54"					C-48-55-B-a
khu phố Kim Liên	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 53' 12	105° 18' 43"					C-48-55-B-a
khu phố Nội Ô	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 4"	105° 18' 42"					C-48-55-B-a
khu phố Quang Mẫn	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 52' 35"	105° 17' 08"					C-48-55-B-a
khu phố Vĩnh Hòa	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 52' 13"	105° 16' 00"					C-48-55-B-c
khu phố Vĩnh Phước	DC	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 52' 35"	105° 16' 27"					C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 49' 28"	105° 27' 19"	10° 03' 16"	105° 13' 12"	C-48-55-B-a
Đường tỉnh 963B	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 51' 03"	105° 14' 16"	10° 02' 34"	105° 23' 50"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 963C	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 46' 26"	105° 18' 49"	9° 53' 58"	105° 18' 08"	C-48-55-B-a
cầu Giồng Riềng	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 54' 24"	105° 18' 40"					C-48-55-B-a
cầu Hồng Hạnh	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 53' 57"	105° 18' 09"					C-48-55-B-a
cầu Rạch Chanh 1	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 52' 20"	105° 16' 03"					C-48-55-B-c
cầu Vàm Cống	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 53' 18"	105° 18' 16"					C-48-55-B-a
chùa Ngã Ba	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 52' 57"	105° 18' 40"					C-48-55-B-a
chùa Vạn Hòa	KX	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng	9° 53' 09"	105° 18' 42"					C-48-55-B-a
Kênh 1	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 54' 50"	105° 18' 39"	9° 54' 44"	105° 18' 26"	C-48-55-B-a
Kênh 5	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 55' 16"	105° 18' 22"	9° 55' 04"	105° 18' 03"	C-48-55-B-a
Kênh 6	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 55' 22"	105° 18' 20"	9° 54' 40"	105° 17' 41"	C-48-55-B-a
Kênh 6 Thước	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 51' 12"	105° 14' 09"	9° 52' 28"	105° 15' 46"	C-48-55-B-c
kênh Bến Nhứt Giồng Riềng	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 54' 23"	105° 18' 41"	9° 50' 56"	105° 14' 19"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
kênh Mù U	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 52' 18"	105° 16' 03"	9° 51' 58"	105° 17' 26"	C-48-55-B-c
kênh Rừng Dừa	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 55' 13"	105° 17' 53"	9° 54' 44"	105° 18' 26"	C-48-55-B-a
kênh Sóc Ông Hai	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 54' 41"	105° 18' 50"	9° 56' 48"	105° 17' 54"	C-48-55-B-a
rạch Bông Súng	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 56' 22"	105° 19' 11"	9° 54' 38"	105° 18' 48"	C-48-55-B-a
Rạch Chanh	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 52' 18"	105° 16' 03"	9° 53' 10"	105° 15' 39"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
sông Cái Bé	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 50' 18"	105° 24' 05"	9° 55' 50"	105° 06' 02"	C-48-55-B-a; C-48-55-B-c
sông Giồng Riềng	TV	TT. Giồng Riềng	H. Giồng Riềng			9° 53' 06"	105° 18' 47"	9° 55' 16"	105° 14' 14"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Năm Chiến	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 56' 39"	105° 14' 48"					C-48-55-A-b
ấp Nguyễn Tấn Thêm	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 29"	105° 13' 36"					C-48-55-A-b
ấp Nguyễn Văn Rỗ	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 43"	105° 14' 21"					C-48-55-A-b
ấp Sở Tại	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 18"	105° 14' 00"					C-48-55-A-b
ấp Tràm Chẹt	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 56' 00"	105° 14' 32"					C-48-55-A-b
ấp Trần Văn Nghĩa	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 56' 59"	105° 15' 57"					C-48-55-B-a
ấp Xẻo Cui	DC	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 48"	105° 12' 58"					C-48-55-A-b
chợ Tân Định	KX	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 16"	105° 14' 09"					C-48-55-A-b
chùa Tân Hưng	KX	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng	9° 55' 20"	105° 14' 14"					C-48-55-A-b
kênh 12	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			10° 00' 35"	105° 12' 59"	9° 57' 54"	105° 15' 35"	C-48-55-B-a
kênh 15	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 58' 17"	105° 11' 54"	9° 56' 12"	105° 14' 24"	C-48-55-A-b
kênh 17	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 59' 09"	105° 12' 42"	9° 57' 10"	105° 14' 45"	C-48-55-A-b
kênh Cây Dương	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 58' 50"	105° 14' 40"	9° 56' 37"	105° 14' 40"	C-48-55-A-b
kênh Cây Gòn	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 33"	105° 15' 36"	9° 57' 07"	105° 14' 48"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Cây Mướp	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 54"	105° 15' 35"	9° 56' 37"	105° 14' 40"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh Chưng Bầu	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 51' 18"	105° 12' 40"	9° 59' 20"	105° 17' 54"	C-48-55-A-b
kênh Đường Trâu Lớn	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 03"	105° 14' 45"	9° 55' 51"	105° 14' 15"	C-48-55-A-b
kênh Đường Trâu Nhỏ	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 56' 45"	105° 13' 44"	9° 55' 45"	105° 13' 56"	C-48-55-A-b
kênh Họa Đồ	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 56' 46"	105° 15' 47"	9° 55' 05"	105° 16' 01"	C-48-55-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh KH7	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 10"	105° 14' 45"	9° 56' 29"	105° 15' 28"	C-48-55-A-b; C-48-55-B-a
kênh KH12	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 54"	105° 15' 35"	9° 57' 13"	105° 16' 16"	C-48-55-B-a
kênh Năm Huối	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 56' 54"	105° 13' 33"	9° 55' 50"	105° 12' 48"	C-48-55-A-b
kênh Ngang	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 31"	105° 13' 44"	9° 57' 29"	105° 12' 57"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 55' 16"	105° 14' 14"	9° 57' 48"	105° 07' 50"	C-48-55-A-b
kênh Nước Mặn Cũ	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 08"	105° 09' 16"	9° 55' 05"	105° 13' 22"	C-48-55-A-b
kênh Thầy Ban	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			10° 00' 14"	105° 15' 31"	9° 57' 54"	105° 15' 35"	C-48-55-B-a
kênh Tràm Chẹt Nhỏ	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 55' 51"	105° 14' 37"	9° 55' 32"	105° 13' 35"	C-48-55-A-b
rạch Kha Na Thum	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 57' 24"	105° 12' 57"	9° 56' 01"	105° 12' 18"	C-48-55-A-b
rạch Lô Bích	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 55' 05"	105° 13' 22"	9° 54' 56"	105° 14' 03"	C-48-55-A-b
rạch Tràm Chẹt Lớn	TV	xã Bàn Tân Định	H. Giồng Riềng			9° 56' 37"	105° 14' 40"	9° 55' 46"	105° 14' 42"	C-48-55-A-b

(Xem tiếp Công báo số 711 + 712)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng